

PHỤ LỤC II

MỨC GIÁ THAM CHIẾU KÈM THEO DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU RỦI RO VỀ GIÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3950/QĐ-TCHQ ngày 30 tháng 11 năm 2015)

STT	Mã HS 8 số	TÊN HÀNG	NHÃN HIỆU	MODEL	NĂM SẢN XUẤT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIÁ (USD)
1		I. THỊT GIA SÚC- GIA CẦM ĐÔNG LẠNH, ƯỚP LẠNH						
2		1. Thịt trâu, thịt bò						
3	02012000	Thịt sườn bê có xương ướp lạnh				AU	KGM	23.00*
4	02012000	Thịt bắp bê có xương ướp lạnh				AU	KGM	7.70*
5	02012000	Thịt sườn bò ướp lạnh có xương				AU	KGM	21.00*
6	02012000	Sườn bò nguyên khối ướp lạnh				AU	KGM	12.40*
7	02012000	Sườn bò nguyên khối ướp lạnh				US	KGM	11.00*
8	02013000	Thịt thăn nội bò ướp lạnh không xương.				US	KGM	23.80*
9	02013000	Thịt thăn ngoại bò ướp lạnh không xương.				US	KGM	21.00*
10	02013000	Thịt nạc lưng bò nguyên khối ướp lạnh không xương.				US	KGM	15.00*
11	02013000	Thịt vai bò ướp lạnh không xương.				AU	KGM	7.60*
12	02013000	Thịt đùi bò ướp lạnh không xương.				AU	KGM	7.70*
13	02013000	Thịt mông bò ướp lạnh không xương				AU	KGM	22.50*
14	02013000	Thịt đầu thăn bò ngoại ướp lạnh không xương (Beef cube).				AU	KGM	28.70*
15	02013000	Thịt thăn ngoại bò ướp lạnh không xương (Striplion).				AU	KGM	27.50*
16	02013000	Thịt thăn nội bò ướp lạnh không xương (Tenderloin).				AU	KGM	28.60*

17	02012000	Sườn bê nguyên khối ướp lạnh				AU	KGM	12.50*
18	02023000	Thịt thăn Tenderloin trâu đông lạnh không xương				IN	KGM	5.40
19	02023000	Thịt thăn Striploin trâu đông lạnh không xương				IN	KGM	4.30
20	02023000	Thịt nạc vai trâu đông lạnh không xương				IN	KGM	3.50
21	02023000	Thịt thăn bò striploin đông lạnh không xương				US	KGM	14.60
22	02023000	Thịt thăn bò tenderloin đông lạnh không xương				US	KGM	23.80
23	02023000	Thịt thăn bò, không xương đông lạnh Tenderloin				AU	KGM	15.50
24	02023000	Thịt thăn bò không xương, đông lạnh Striploin				AU	KGM	9.00
25	02012000	Thịt bê ướp lạnh có xương				AU	KGM	23.5*
26	02013000	Thịt bê ướp lạnh không xương				AU	KGM	28.6*
27	02021000	Thịt bê nguyên con đông lạnh không đầu, không da, không nội tạng				AU	KGM	3.48
28	02022000	Sườn non bò đông lạnh có xương				NZ	KGM	7.15
29	02022000	Giò bê cắt lát đông lạnh có xương				AU	KGM	11.00*
30	02022000	Sườn bò đông lạnh có xương (sườn bẹ).				US	KGM	11.50
31	02022000	Sườn bò đông lạnh có xương				US	KGM	13.00*
32	02022000	Sườn non bò đông lạnh có xương				US	KGM	11.50
33	02022000	Sườn bò đông lạnh có xương				AU	KGM	12.00*
34	02023000	Thịt nạc lưng bò đông lạnh không xương				US	KGM	18.00
35	02023000	Thịt bắp bò đông lạnh không xương				US	KGM	8.30
36	02023000	Thịt nạc vai bò đông lạnh không xương				US	KGM	8.60
37		2. Thịt lợn						
38	02032900	Thịt đùi lợn đông lạnh có xương				CA	KGM	2.22
39	02032900	Thịt đùi lợn đông lạnh không xương				ES	KGM	16.00*

40	02032900	Sườn lợn đông lạnh				AU	KGM	16.00*
41	02032900	Sườn lợn đông lạnh				US	KGM	4.3*
42	02032900	Thịt dọi lợn đông lạnh không xương				BE	KGM	3.40
43	02032900	Thịt vai lợn đông lạnh không xương				ES	KGM	2.80
44		3. Thịt Cừu, dê						
45	02044300	Thịt vai cừu đông lạnh không xương				AU	KGM	10.40*
46	02044200	Thịt vai cừu đông lạnh có xương				AU	KGM	6.90*
47	02044200	Thịt đùi cừu đông lạnh có xương				AU	KGM	11.00*
48	02044300	Thịt đùi cừu đông lạnh không xương				AU	KGM	10.50*
49	02044200	Sườn cừu đông lạnh				AU	KGM	9.40
50	02044200	Thịt mông cừu đông lạnh có xương				AU	KGM	12.4*
51	02045000	Thịt dê nguyên con không đầu, không nội tạng, đông lạnh				AU	KGM	6.00
52	02044300	Thịt sườn cừu đông lạnh có xương				AU	KGM	25.85*
53		4. Thịt gia cầm						
54	02071420 02072799	Má đùi gà đông lạnh				US	KGM	0.90
55	02071420 02072799	Đùi gà góc tư đông lạnh				US-KR	KGM	1.30
56	02071420 02072799	Đùi tỏi gà đông lạnh				US	KGM	1.40
57	02071491 02071499 02072791	Thịt gà xay đông lạnh				BR-KR	KGM	0.80

	02072791							
58	02074500	Ức vịt đông lạnh				FR	KGM	15.00
59	02074500	Gan vịt đông lạnh				FR	KGM	45.00
60	02071410 02072799	Cánh gà đông lạnh				BR	KGM	2.60
61	02071499	Chân gà đông lạnh				BR	KGM	1.60
62	02071200 02072500	Thịt gà nguyên con đông lạnh không đầu, không chân, không nội tạng.				FR	KGM	5.20
63	02071200	Thịt gà nguyên con đông lạnh không đầu, không chân, không nội tạng				KR	KGM	0.87
64		5. Thịt thỏ						
65	02081000	Thịt thỏ nguyên con (bỏ đầu, chân, nội tạng) đông lạnh				FR	KGM	6.30
66	02081000	Đùi thỏ đông lạnh				FR	KGM	9.40
67	02081000	Thịt thỏ nguyên con đông lạnh không đầu không chân, không nội tạng				FR	KGM	14.50*
68		6. Thịt lợn xông khói						
69	02101930	Thịt heo xông khói Corona				IT	KGM	17.00
70	02101930 02101990	Đùi lợn muối				IT	KGM	17.40
71		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
72		II. CÁ TƯƠI, CÁ ĐÔNG LẠNH, ƯỚP LẠNH						
73	03011195	Cá Ngân long làm giống (OSTEOGLOSSUM BICIRRHOSUM) 2-12 CM				MY	UNC	1.3*
74	03025900	Cá Hồng nguyên con ướp lạnh				FR	KGM	38.50*

75	03021100 03021300 03021400	Cá hồi nguyên con ướp lạnh loại từ 5 kg đến dưới 6 kg/con				FR	KGM	10.50*
76	03021100 03021300 03021400	Cá hồi nguyên con ướp lạnh, loại từ 6kg đến 8kg/con				NO	KGM	11.50*
77	03021100 03021200 03021400	Cá Hồi nguyên con ướp lạnh				AU	KGM	12.50*
78	03025900	Cá Cam nguyên con đông lạnh				JP	KGM	2.40
79	03035400	Cá Thu nguyên con đông lạnh				JP	KGM	1.80
80	03035400	Cá Thu nguyên con đông lạnh				CN	KGM	1.70
81	03038919	Cá Nục nguyên con đông lạnh				JP	KGM	1.70
82	03038919	Cá Nục nguyên con đông lạnh				CN	KGM	1.50
83	03038919	Cá Nục nguyên con đông lạnh				TW	KGM	1.50
84	03038919	Cá Nục nguyên con đông lạnh				KR	KGM	1.50
85	03035400 03038919	Cá Saba nguyên con đông lạnh				JP	KGM	2.10
86	03038919	Cá Phèn nguyên con đông lạnh				ID	KGM	3.70
87	03038919	Cá Trứng đông lạnh				NO	KGM	1.70
88	03038919	Cá Trứng đông lạnh				CA	KGM	1.60
89	03036300 03036400 03036500	Cá Tuyết không đầu đông lạnh (Tên tiếng Anh: Anoplopoma fimbria, sable fish, black cod, butterfish, gindara)				CA	KGM	26.00*

	03036600 03036800							
90	03036300	Cá tuyết đông lạnh				JP	KGM	26.00*
91	03031300	Đầu cá hồi đông lạnh				NO, GB	KGM	1.30
92	03031300	Đầu cá hồi đông lạnh				DK	KGM	1.20
93	03036700	Cá Minh Thái nguyên con đông lạnh				KR	KGM	1.40
94	03038100 03038929	Cá nhám dẹp nguyên con đông lạnh				KR	KGM	3.60
95	03034100 03034200 03034300 03034400 03034500 03034600	Cá Ngừ nguyên con đông lạnh				JP	KGM	2.80
96	03033100 03033200 03033300 03033400	Cá Bơn nguyên con đông lạnh				US	KGM	11.50
97	03035400	Cá thu đông lạnh				NO	KGM	2.50
98	03038919	Cá kìm, Cá thu đao đông lạnh (Tên khoa học: COLOLABIS SAIRA)				CN	KGM	1.30
99	03038919	Cá thu đao nguyên con đông lạnh				TW	KG	1.30
100	03038919	Cá thu đao đông lạnh, size 50g				KR	KG	1.30
101	03048100	Lườn cá hồi đông lạnh				GB	KGM	4.00

	03048200							
102		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
103		III. Sữa và các sản phẩm từ sữa						
104		1. Sữa và kem chưa pha thêm đường và chất ngọt khác						
105	04012010	Sữa nước nguyên kem, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Lactel			FR	UNK	12.50
106	04012010	Sữa tươi tiệt trùng, chưa pha thêm đường, hương liệu, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Table Cape			AU	UNK	14.50
107	04012010	Sữa tươi tiệt trùng giàu canxi, chưa pha thêm đường, hương liệu, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Table Cape			AU	UNK	14.80
108	04012010	Sữa tiệt trùng (UHT standard Milk Regular) 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Anchor			NZ	UNK	1.30
109	04015010	Kem nấu tiệt trùng, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng.	Anchor			NZ	UNK	2.30
110	04015010	Sữa kem nấu tiệt trùng (UHT culinary cream), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Anchor			NZ	UNK	2.60
111	04011010 04012010	Sữa ít béo tiệt trùng (UHT lite milk), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Anchor			NZ	UNK	1.10
112	04012010	Sữa tươi tiệt trùng, đã tách béo, chưa pha thêm đường, chất ngọt khác, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Gippy			AU	UNK	15.00
113	04012010	Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem chưa pha thêm đường, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Neuburger			DE	UNK	1.00
114	04012010	Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem, chưa pha thêm đường, hương liệu, chất làm ngọt khác, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Pauls			AU	UNK	1.30
115	04015010	Kem Sữa, 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Tatua			NZ	UNK	34.80
116	04011010 04012010	Sữa tiệt trùng ít béo Bear Brand Gold, hương vị trà trắng (Bear Brand Gold Low Fat Milk Beverage With White Tea), 140ml/hộp, 24 hộp/thùng	Nestle			TH	UNK	8.00

117	04012010	Sữa nước tách kem (Lactel Lait Demi-Ecreme), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Lactel			FR	UNK	15.00
118	04012010	Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem (UHT Table Cove Full CreamMilk), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Table Cove			AU	UNK	16.00
119	04012010	Sữa tươi tiệt trùng ít béo có chứa canxi chưa pha thêm đường, hương liệu, hàm lượng chất béo 1.08% (UHT Table Cove Reduced Fat Milk Contains Calcium), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Table Cove			AU	UNK	16.50
120	04012010	Sữa tươi nguyên chất (Meadow Fresh full cream UHT milk), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Meadow Fresh			NZ	UNK	14.00
121	04012010	Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem (Devondale full cream UHT milk), 200ml/hộp, 3 hộp/lốc, 8 lốc/thùng	Devondale			AU	UNK	8.40
122	04012010	Sữa tươi tiệt trùng (Devondale Smart UHT Milk High Calcium Reduced Fat), 1 lít/ hộp, 10 hộp/thùng	Devondale			AU	UNK	13.00
123	04012010	Sữa tươi tiệt trùng 1.5% chất béo, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác (Oldenburger UHT Milk), 1 lít/hộp, 12 hộp/thùng	Oldenburger			DE	UNK	13.00
124	22029010	Sữa chuối (Banana Milk), 200ml/hộp, 24 hộp/thùng	Binggrae			KR	UNK	12.50
125		2. Sữa và kem, đã cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác						
126	04021041	Bột sữa gầy SMP loại Medium Heat chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25 kg/bao				AU	TNE	3,682.00
127	04021041	Sữa bột gầy có hàm lượng chất béo không quá 1,5%, chưa pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác (SKIM MILK POWDER), 25kg/bao				PL	TNE	4,550.00
128	04021041	Bột sữa gầy SMP loại MEDIUM HEAT chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25 kg/bao				NZ	TNE	3,992.00
129	04021041	Bột sữa gầy SMP loại MEDIUM HEAT, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25 kg/bao				US	TNE	4,535.00

130	04021041	Bột sữa gầy SMP loại Medium heat dùng chế biến sữa, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25kg/bao.				BE	TNE	4,201.00
131	04021041	Bột sữa gầy SMP loại MEDIUM HEAT, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25 kg/bao				NL	TNE	4,587.00
132	04022120	Sữa bột nguyên kem, chưa pha thêm đường, hàm lượng béo trên 1,5%. Trọng lượng 20kg/bao trở lên				FR	KGM	5.20
133	04022120	Sữa bột nguyên liệu hàm lượng béo trên 1.5% chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, 25 kg/bao				NZ	TNE	5,487.00
134		3. Bơ và các chất béo khác						
135	04051000	Bơ nhạt (Unsalted Butter 82%), 250gr/gói, 40 gói/thùng	Petit Normand			FR	UNK	1.70
136	04051000	Bơ nhạt, 250gr/hộp	Paysan Breton			FR	UNK	2.03
137	04051000	Bơ mặn, 250gr/hộp	Paysan Breton			FR	UNK	1.90
138	04051000	Bơ nhạt, 250gr/hộp	President			FR	UNK	2.40
139	04051000	Bơ nhạt, 227gr/gói	Anchor			NZ	UNK	1.10
140	04051000	Bơ mặn, 250gr/gói	Anchor			NZ	UNK	1.30
141	04051000	Bơ nhạt, 250gr/gói	Even			FR	UNK	1.80
142	04051000	Bơ mặn, 250gr/gói	Even			FR	UNK	1.70
143	04051000	Bơ nhạt (Dairy butter 82% unsalted Grand'Or), 200 g/gói, 40 gói/thùng	Grand'Or			BE	UNK	65.00
144	04051000	Bơ mặn (Dairy butter 80% salted Grand'Or), 200 g/gói, 40 gói/thùng	Grand'Or			BE	UNK	65.00
145		4. Pho mát						
146	04069000	Pho mát mềm (kidiboo), 120 gr/hộp	PTIT LOUIS			FR	UNK	1.70
147	04069000	Pho mát mềm, 160gr/hộp	PTIT LOUIS			FR	UNK	1.30

148	04069000	Pho mát, 150g/hộp	Boursin			FR	UNK	2.20
149	04069000	Pho mát, 150 gr/hộp	Bresse Bleu			FR	UNK	2.30
150	04069000	Pho mát Brie, 200gr/gói	President			FR	UNK	2.30
151	04069000	Pho mát Brie President Tarte 3Kg/gói	President			FR	KGM	10.40
152	04069000	Pho mát camembert President 250gr/1hộp	President			FR	UNK	4.70
153	04069000	Pho mát Mascapone 250g/hộp	Galbani			IT	UNK	2.70
154	04069000	Pho mát Mascapone 500g/hộp	Galbani			IT	UNK	5.20
155	04069000	Pho mát (The Laughing Cow Belcube Plain Cheese), 78g/hộp	Belcube			FR	UNK	1.20
156	04069000	Pho mát lát vị sữa (processed cheddar cheese), 250gr/gói, 24 gói/thùng	Chesdale			NZ	UNK	1.60
157	04069000	Pho mát Mascarpone, 1 kg/túi, 12 túi/thùng	Tatua			NZ	UNK	55.00
158	06069000	Pho mát kem (Cream cheese), 1kg/túi, 12 túi/thùng	Anchor			NZ	KGM	5.00
159	06062090	Phô mai bào Mozzarella 0401 IQF12kg/thùng				NZ	KGM	4.70
160	06069000	Phô mai Formaggio Grana Padano				IT	KGM	12.70
161	07095990	IV. Tổ yến						
162	07095990	Tổ yến nuôi còn lông dạng thô, vụn chưa chế biến				ID/MY	KGM	535.00*
163	04100010	Tổ yến nuôi nguyên tổ dạng thô, trắng				ID/MY	KGM	752.00*
164		V. Rau quả hạch hoặc phần khác của cây và chế phẩm từ rau, quả hạch						
165	07019000	Khoai tây tươi				US	KGM	0.70
166	07049090	Cải thảo tươi				KR	KGM	0.40
167	07051100	Xà lách tươi Endive				FR	KGM	5.00
168	07061020	Củ cải tươi				KR	KGM	0.30
169	07095100	Nấm kim châm tươi				KR	KGM	1.00

	07095990							
170	07095100 07095990	Nấm đùi gà tươi				KR	KGM	0.70
171	07095100 07095990	Nấm hải sản tươi				KR	KGM	1.80
172	07095990	Nấm yến tươi chưa qua sơ chế 150g/gói, 3kg/thùng				KR	KGM	1.00
173	07095990	Nấm linh chi nâu tươi (Fresh Shimeji Mushroom)				KR	KGM	7.90
174	08134090	Quả Đại táo (chưa thái, chưa nghiền, chưa cắt lát)				CN	KGM	1.10
175	08021200	Hạt hạnh nhân đã bóc vỏ				CN	KGM	10.00
176	08024100	Hạt dẻ - Fresh chestnut				CN	KMG	1.70
177		VI. Quả tươi ăn được						
178	08041000	Quả Chà là tươi				US	KGM	4.00*
179	08045020	Quả xoài tươi				TH	KGM	1.00
180	08045030	Quả măng cụt tươi				TH	KGM	1.10
181	08044000	Quả bơ tươi				US	KGM	6.70*
182	08044000	Quả bơ tươi*				AU	KGM	6.70*
183	08051010	Quả cam tươi				US	KGM	1.50
184	08051010	Quả cam tươi				AU	KGM	1.50
185	08051010	Quả cam tươi*				AU	KGM	2.40*
186	08052000	Quả quýt tươi				AU	KGM	2.50
187	08061000	Quả Nho đen tươi *				AU	KGM	6.00*
188	08061000	Quả Nho xanh tươi				AU	KGM	5.50*
189	08061000	Quả Nho đỏ tươi				AU	KGM	4.40*

190	08061000	Quả Nho đỏ tươi				AU	KGM	2.60
191	08061000	Quả Nho đỏ tươi				US	KGM	2.60
192	08061000	Quả Nho đen tươi				US	KGM	2.60
193	08061000	Quả Nho xanh tươi				US	KGM	5.50
194	08071900	Quả Dưa vàng tươi				AU	KGM	4.00*
195	08081000	Quả táo Fuji tươi				AU	KGM	4.90*
196	08083000	Quả Lê tươi				AU	KGM	4.00*
197	08083000	Quả Lê tươi				AU	KGM	6.50*
198	08094010	Quả mận tươi				AU	KGM	8.40*
199	08093000	Quả xuân đào tươi				AU	KGM	6.20*
200	08092100 08092900	Quả anh đào(cherri) tươi				AU	KGM	10.00*
201	08092100 08092900	Quả anh đào(cherri) tươi				US	KGM	9.00*
202	08092100 08092900	Quả anh đào(cherri) tươi *				CA	KGM	10.50*
203	08111000	Quả dâu tây tươi				US	KGM	5.50*
204	08111000	Quả dâu tây tươi				AU	KGM	6.70*
205	08109040	Quả boong boong tươi				TH	KGM	1.70
206	08105000	Quả Kiwi tươi				AU	KGM	4.20*
207		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
208		VII. Các loại quả khô						
209	08131000	Quả Mơ khô, 250g				FR	UNK	0.60
210	08134090	Quả anh đào khô, 567g/gói				US	UNK	5.10

211	08135090	Trái cây sấy khô CHOC YOG RAISINS (200g/gói * 12 gói/thùng)	SUNMAID			US	UNK	7.60
212	08135090	Trái cây sấy khô VAN YOG RAISINS (225g/gói * 12 gói/thùng)	SUNMAID	VANILLA		US	UNK	8.60
213	08135090	Trái cây sấy khô CRANBERRIES 275g/gói *12 gói/thùng	SUNMAID			US	UNK	1.80
214	08135090	Trái cây sấy khô PITTD PRUNE-CAN 450g/gói*12 gói/thùng	SUNMAID			US	UNK	17.30
215	08135090	Trái cây sấy khô RAISINS-MNI SNKS 175g/gói*18 gói/thùng	SUNMAID	MINI SNACKS		US	UNK	9.70
216	08135090	Trái cây sấy khô OS CRAISIN TRL MX-FRT&NT 150g/gói x 12 gói/thùng	Ocean Spray			US	UNK	5.40
217		VIII. Dầu thực vật đã tinh chế						
218	15099091	Dầu ăn ô liu hiệu carbonell 12 chai x 250ml	Carbonell			ES	UNK	20.00
219	15099091	Dầu ô liu nguyên chất Borges 125ml (24 chai/ thùng)	Borges			ES	UNK	22.30
220	15099091	Dầu ô liu nguyên chất không mùi Borges 250ml (12 chai/ thùng)	Borges			ES	UNK	19.00
221	15099091	Dầu ôliu Las Doscientas 200 Kids 12chai/thùng x 250ml				CL	UNK	9.20
222	15099091	Dầu oliu Extra Virgin olive oil, 500ml/ chai x 12 chai/ thùng.	Castello			ES	UNK	32.00
223	15099091	Dầu ăn Oliu nguyên chất ép lạnh hiệu Olivoila, đóng trong chai 250ml, 12 chai/thùng	Olivoila			IT	UNA	1.70
224	15099091	Dầu Extra Virgin Olive 250 ml x 12 chai/ thùng	Fragata			ES	UNK	17.70
225	15099091	Dầu oliu- LATINO BELLA EXTRA VIRGIN OLIVE OIL 250ML x 12 chai/ thùng	Latino Bella			ES	UNK	16.70
226	15099099	Dầu Trộn Salad Virginia Brand Vidalia Onion	Virginia Brand			US	UNK	1.90

		Vinegarette 24oz x 2 Chai/thùng						
227	15119092	Dầu cọ (dầu ăn) - Palm Olein (Cooking oil), loại 5 lít/chai (04 chai/thùng)				MY	UNK	19.20
228	15119092	Dầu cọ (dầu ăn) - Palm Olein (Cooking oil), loại 25 lít/thùng (can)				MY	UNL	23.40
229	15121990	Dầu ăn thực vật OKI hướng dương loại 1 lít, chai vuông, đóng 12 chai/ carton				TH	UNK	18.20
230	15121990	Dầu hướng dương 1 lít x 15 chai/ thùng	Coroli			NZ	UNK	25.60
231	15121990	Dầu hướng dương 2 lít x 6 chai/ thùng	Coroli			NZ	UNK	20.50
232	15131990	Dầu massage 100ml/Chai Tanamera Cold Press Virgin Coconut Oil	Tanamera			MY	UNA	4.40
233		IX. Chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật thủy sinh không xương						
234	16010090	Xúc xích MILANO				FR	KGM	11.7*
235	16010090	Xúc xích ANDOUILLETTE TROYES				FR	KGM	10.2*
236	16010090	Xúc xích SAUCISSON SEC COURBE				FR	KGM	9.2*
237	16010090	Xúc xích CHORIZO CULAR (280 g)				FR	KGM	9.3*
238	16010090	Xúc xích CHORIZO (1.7 kg)				FR	KGM	9.3*
239	16010090	Xúc xích Salame Milano (2.5kg)				IT	KGM	23.4*
240	16010090	Xúc xích Salame Mugnano Forte Affumicato (450gr)				IT	KGM	22.60
241	16010090	Jam bông Parma				FR	KGM	12.4*
242	16025000	Thịt ăn liền Chambada thịt bò xào loại 250g/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	0.80
243	16024999	Thịt ăn liền Spam CJ thịt lợn loại 340g/hộp	Sang kyung vina			KR	UNK	1.20

244	16024999	Thịt ăn liền Spam CJ thịt lợn loại 200g/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	0.90
245	16024919	Thịt lợn xay Guang da xiang loại 160g/gói*24 gói/thùng				TW	UNK	30.50
246	16030020	Chicken Extract Powder-Chiết xuất gà dùng trong chế biến thực phẩm	A6394			JP	KGM	11.30
247	16042099	Cá ngừ bào loại 65g/gói*24 gói/thùng				JP	UNK	59.00
248	16042099	Cá bào hana-Katsuo loại 35g/gói*30 gói/thùng				JP	UNK	45.50
249	16042099	Cá bào sấy khô - Hanakatsuo Nami FukushimaKatsuo loại 500g/ gói*10 gói/thùng				JP	UNK	90.00
250	16042099	Cá bào NINBEN loại 5g/PKG				JP	PKG	0.40
251	16041690 16042099	Cá đã chế biến ăn liền cá Chamjo Boseong loại 4.5kg/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	8.00
252	16041690 16042099	Cá đã chế biến ăn liền Dongtae IIsim loại 2.000g/gói*10 gói/thùng	Sang kyung vina			KR	UNK	62.00
253	16041990 16042099	Cá đã chế biến ăn liền Dongtae C-Global loại 500g/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	1.60
254	16042099	Cá cắt lát kho tàu loại 100g/gói*24 gói/thùng				TW	UNK	29.00
255	16041990	Cá tuyết khô loại 26g/gói*40 gói/thùng				TW	UNK	29.20
256	16055400	Mực đã chế biến ăn liền Junghwa loại 70g/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	0.60
257	16055400	Mực đã chế biến ăn liền Jinmi Junghwa loại 55g/gói	Sang kyung vina			KR	UNK	0.50
258	16055900	Lươn biển sốt đông hộp loại 100g*48 hộp/thùng				TW	UNK	62.00
259		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
260		X. Phụ gia dùng trong thực phẩm						

261	17023010	Đường Glucoza: (DEXTROSE MONOHYDRATE) 25kg/bao. Dùng trong chế biến thực phẩm.				CN	TNE	578.00
262	17023010	Đường Glucoza (DEXTROSE MÔNHYDRATE.M). 25kg/bao. Dùng trong chế biến thực phẩm:				IT	TNE	690.00
263	17023010	Đường Glucoza: (DEXTROSE MONOHYDRATE M). 25kg/bao. Dùng trong chế biến thực phẩm				FR	TNE	735.00
264	17023010	Đường Glucoza (Dextrose momohydrate M. EP7/USP35/NF30.).25kg/bao.Nguyên liệu dược.				FR	TNE	875.00
265	17025000	Đường Fructoza (HIGH FRUCTOSE SYRUP 55%) dùng trong chế biến thực phẩm,				TH	TNE	679.00
266	17025000	Đường Fructose (High Fructose Corn Syrup 55%). Dạng lỏng sản xuất từ ngô Dùng trong chế biến thực phẩm.				CN	TNE	570.00
267	17025000	Đường Fructose (Hight Fructose Corn syrup, 55%) 25kg/can. Sản xuất từ ngô, dùng trong chế biến thực phẩm.	Daesang			KR	TNE	620.00
268	17025000	Đường fructoza (ORAFIT GR) dùng trong chế biến thực phẩm.				BE	TNE	3,252.00
269	17025000	Đường fructoza (ORAFIT P95) dùng trong chế biến thực phẩm.				BE	TNE	5,173.00
270	17025000	Đường fructoza (ORAFIT SYNREGY 1) dùng trong chế biến thực phẩm.				BE	TNE	5,683.00
271		XI. Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, hoặc sữa, các loại bánh kẹo						
272	17049099	Kẹo Ricola Alpin fresh/Blackcurrant/lemon mint/original herbs/ sugarfree (loại 45gr/gói)				CH	PKG	1.10
273	17049099	Kẹo hoa quả không có đường loại 150g/hộp *10 hộp/thùng	Kafany			DE	UNK	1.00
274	17049091	Kẹo dẻo trolli 150gr/1gói				DE	UNK	0.50

275	17049099	Kẹo VANI Cà phê ESPRESSO VANILLA COFFEE 150gr x 20gói/Thùng;				ID	UNK	7.40
276	17049099	Kẹo hạnh nhân Almond, hiệu ORION (72g/gói, 7 gói/hộp, 2 hộp/thùng)				KR	UNK	9.50
277	17049099	Kẹo hồng sâm (Korea Red Ginseng Vitamin Candy) đóng (200g x 50 gói)/thùng				KR	UNK	35.20
278	18063110	Kẹo sô cô la nhân hạnh nhân Ferrero Raffelo (230g)	Snikers			DE	UNK	2.80*
279	18063110	Kẹo sô cô la nhân hạnh nhân Ferrero Raffelo (150g)	Snikers			DE	UNK	1.80*
280	18063110	Kẹo sô cô la nhân lạc Snickers miniatures (130g)	Snikers			DE	UNK	1.30*
281	18063210	Kẹo sôcôla không nhân ritter sport mini 150g/gói	Snikers			DE	UNK	1.20*
282	18063110	Kẹo sôcôla nhân hạnh nhân ritter sport 176g/hộp	Ritter			DE	UNK	1.70*
283	18063210	Kẹo sôcôla không nhân Kinder Bueno 129g/ hộp	Ferrero			DE	UNK	1.30*
284	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian-Seashells các viên hình con sò có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 250g/hộp	Guylian			BE	UNK	4.20*
285	18063110	Kẹo sôcôla đen Ritter sport 50% Ca cao (100g/ túi).	Ritter			DE	BAG	0.20*
286	18063110	Kẹo Merci Crocant (200 g/ túi).	Merci			DE	BAG	0.40*
287	18063210	Kẹo sôcôla không nhân Kinder Happy Hippo 5 chiếc * 20.7g (103.5g/hộp)	Kinder			DE	UNK	0.90*
288	18063110	Kẹo sô cô la nhân hạnh nhân Rocher (215g/hộp)	Ferrero			DE	UNK	1.80*
289	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian-Seashells các viên hình con sò có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 65g/hộp				BE	UNK	1.2*
290	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian- Le Gourmet các viên hình khối khác nhau có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 225g/hộp	Guylian			BE	UNK	4.20*
291	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian-Trufflina các viên hình khối có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 180g/hộp.				BE	UNK	4.10

292	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian-Trufflina các viên hình khối có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 90g/hộp				BE	UNK	2.30
293	18063110	Kẹo sô cô la hiệu Snickers Funsizedạng thanh có nhân, 20g/thanh*12 thanh/bịch.	Snickers			CN	UNK	2.40
294	18063110	Kẹo sô cô la, dạng thanh có nhân, 51g/thanh, 24 thanh/hộp, 8 hộp/thùng	Snickers			CN	UNK	90.00
295	18069010	Kẹo sô cô la, dạng viên, 100g/gói, 12 gói/hộp, 8 hộp/thùng	M&M's Milk Chocolate			CN	UNK	101.00
296	18063110	Kẹo Sô cô la trắng nhân hạnh nhân, 1,8kg/thùng dạng viên (2kg/thùng cả bao bì).	Grand Dian			RU	UNK	7.30*
297	18063110	Kẹo sô cô la nhân lạc Merci Petit chocolate collection 125g/Gói	Merci			DE	UNK	1.20*
298	18063110	Kẹo Sôcôla Guylian- les exclusive các viên hình khối khác nhau có nhân hỗn hợp đóng trong hộp giấy 315g/hộp	Guylian			BE	UNK	6.20
299	19023090	Mỳ ý SPAGHETTI loại 500g (25gói/thùng)	Barilla			IT	UNK	21.70
300	19023090	Mỳ ý Spaghetti, 500g/ gói x20 gói/ thùng	Castello			IT	UNK	11.50
301	19023090	Mỳ ý spaghetti 500 gr x 20 gói/ thùng	Pasta Zara			IT	UNK	10.90
302	19023040	Mì Shin Ramyun 120 g x 20 gói /thùng	Nongshim			KR	UNK	7.90
303	19023040	Mì Dong Ji Cold Noodles loại 161 g x 04x08 /thùng				KR	UNK	15.40
304	19023040	Mỳ ăn liền Sang kyung vina 98g/gói x 5 gói/bịch, 8 bịch/thùng				KR	UNK	4.80
305	19023040	Mì shin cup noodle soup 65 g x 30 gói /thùng				KR	UNK	10.90
306	19023040	Mì shin cup noodle soup 75 g x 12 gói /thùng				KR	UNK	5.20
307	19023040	Mì Seang Seang Udon 276 g x 12 gói/thùng				KR	UNK	7.40
308	19023090	Mì ống Katokichi Udon (250gr/vắt; 05 vắt/gói; 8 gói/thùng)				JP	UNK	18.60

309	19021990 19023090	Mì nui, mì Spaghetti (20x500g)/thùng	Bogasari/Lafon te			ID	UNK	11.90
310	19023040	Mì Imee tôm 70gr/pcs, 30 pcs/box				TH	UNK	5.20
311	19021990 19023090	Nui rau Vegetables alphabet, og (15 gói x 340g x 1 thùng)	Eden			US	UNK	15.10
312	19021990 19023090	Nui casareccia 500gr				IT	UNK	1.40
313	19030000	Hạt Trân Châu dạng viên 3.0kgs/túi (6 túi/thùng)				TW	BAG	3.80
314	19053110	Bánh Lu Petit Beure Veritable loại 200g/thanh				FR	UNIT	1.00
315	19053110	Bánh lát tự nhiên Natural Fine Wafer Crackers 12 x 100g	Waterthins			AU	UNK	4.30
316	19053110	Bánh quy mặn hiệu Haitai (58g x 12 hộp/cnt)	Haitai			KR	UNK	4.70
317	19053120	Bánh Oreo chocolate cream 137g/gói *24 gói/thùng				ID	UNK	8.00
318	19053110	Bánh quy hộp thiếc không cacao Blue Ribbon Butter Cookies loại 625 gr (6 hộp /thùng)				ID	UNK	23.00
319	19053110	Bánh quy hộp thiếc ngọt không ca cao, Blue Ribbon Butter Cookies 454gr/hộp *12/thùng				ID	UNK	31.00
320	19053110	Bánh quy có chứa ca cao YanYan Choco 50g x 80 hộp/thùng	Meiji			SG	UNK	27.00
321	19053110	Bánh quy Alete kinder keks(180g)	Nestle			DE	UNK	1.10
322	19053200	Bánh xốp chú bò nhỏ vị sô cô la/sữa (250g)				RU	UNK	0.60
323	19053120	Bánh quy ca cao coppenrath classic (250g)	Coppenrath			DE	UNK	1.00
324	19053120	Bánh quy Cantreau Boudoirs (200g)				DE	UNK	0.70
325	19053110	Bánh quy Cantreau Boudoirs (400g)				DE	UNK	1.00
326	19053120	Bánh quy chứa ca cao Lambertz Best Selection (1000g)	Lambertz			DE	UNK	6.00

327	19053110	Bánh quy không chứa ca cao Bahlsen Leibniz butter (175g)	Lambertz			DE	UNK	0.70
328	19053120	Bánh quy ngọt chứa sôcôla Lambertz Exquitsit (750g/hộp)	Lambertz			DE	UNK	3.60
329	19053120	Bánh quy chứa sô cô la Knoppers minis(200g)	Storck			DE	UNK	0.90
330	19053200	Bánh xốp chứa ca cao Hanuta mini(200g)	Hutana			DE	UNK	0.90
331		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
332		XII. Rau, quả hạch và các phần chế biến khác của cây						
333	20019090	Nụ bạch hoa Capucines loại 283g/chai * 12 chai/thùng	Fragara			ES	UNK	27.00
334		XII. Các loại nước ép trái cây, nước rau ép						
335	20098190 20099090	Nước trái cây hương vị (dâu, táo) tự nhiên, 200ml/hộp * 20 hộp/thùng	Capri Sonne			ID	UNK	4.00
336	20098999 20099090	Nước cà rốt ép, 01 lít/hộp *12 hộp/thùng	UFC			TH	UNK	11.30
337	20094100 20094900	Nước dừa ép, 01 lít/hộp *12 hộp/thùng	UFC			TH	UNK	10.10
338	20091900	Nước cam ép, 01 lít/hộp *12 hộp/thùng	UFC			TH	UNK	12.20
339	20098999 20099090	Nước ép trái cây (nho, táo, ổi, cà rốt) 01 lít/hộp * 12 hộp/thùng	Malee			TH	UNK	14.30
340	20099090	Nước ép nha đam và nho trắng, 01 lít/hộp * 12 hộp/thùng	Tipco			TH	UNK	14.10
341		XIV. Cà phê, chè và các chế phẩm từ cà phê, chè						
342	21011110	Cà phê Mocha Maxim Gold (Mild Coffee Mix)	Maxim			KR	UNK	1.20

		Dongseo loại 12g * 20 gói/hộp - bịch						
343	21011110	Cà phê Mocha Maxim Gold (Mild Coffee Mix) Dongseo loại 12g * 100 gói/hộp - bịch	Maxim			KR	UNK	4.90
344	21011110	Cà phê Maxim White Gold (Instant) Coffee (Mix) Dongseo loại 12g/túi* 100gói/bịch (hộp)	Maxim			KR	UNK	6.20
345	21011110	Cà phê Maxim White Gold (Instant) Coffee (Mix) Dongseo loại 12g/gói * 20gói/bịch (hộp)	Maxim			KR	UNK	1.50
346	21011110	Cà phê Maxim Original Coffee Mix Dongseo loại 12g/gói * 20gói/hộp(bịch)	Maxim			KR	UNK	1.20
347	21011110	Cà phê Maxim Original Coffee Mix Dongseo loại 12g/gói * 100gói/hộp(bịch)	Maxim			KR	UNK	4.90
348	21011190	Cà phê lon Maxwell coffee can 175 g/lon, 30 lon/hộp	Maxwell			KR	UNK	3.20
349	21012090	Bột trà xanh 1kg*10 gói/Thùng	Matcha			JP	UNK	19.60
350	21012010	Trà thảo mộc cô đặc - hương truyền thống, 50g/hộp	herbalife			US	UNK	2.30
351		XV. Nước xốt và các chế phẩm làm từ nước sốt						
352	21069052	Trà gừng hồng sâm, 15 gói 15g/hộp *20 hộp/thùng				KR	UNK	1.10
353	21069052	Trà gừng mật ong, 580g /chai *12chai/thùng				KR	UNA	1.40
354	21039090	Nước tương đậu nành Micochan miso, 01kg/gói	Mikochan Miso			JP	UNK	2.40
355	21039040	Nước tương Yamasa Shoyu, 18 lít/thùng	Yamasa Shoyu			JP	UNK	17.80
356	21039040 21039090	Gia vị ướp thịt heo loại 245g/ lọ * 15 lọ/thùng	Ottogi			KR	UNK	10.50
357	21039040	Gia vị ướp sườn heo loại 480g/ lọ* 15 lọ/thùng	Ottogi			KR	UNK	15.30
358	21039040	Gia vị ướp sườn bò loại 480g/lọ * 15 lọ/thùng	Ottogi			KR	UNK	16.00
359	21039040	Gia vị sốt thịt bò loại 240g/ lọ * 15 lọ/thùng	Ottogi			KR	UNK	8.40
360	21039040	Bột canh (nêm) gia vị thịt bò Sunkyung vina -	Matna -			KR	UNK	15.00

		Matna - Deasang loại 1kg/gói * 10 gói/thùng	Deasang					
361	21032000	Sốt cà chua Tomato Ketchup (12 x 567g) / thùng	Heinz			US	UNK	19.90
362		XVI. Súp và các chế phẩm làm từ súp						
363	21041099	Canh rong biển ăn liền loại 18g/gói *12 gói/thùng	Mi-Yok-Guk			KR	UNK	7.00
364	21041099	Súp thịt bò cay loại 41g/hộp*12 hộp/thùng	Ottogi			KR	UNK	11.50
365	21041099	Súp thịt bò cay loại 500g/ gói*18 gói/thùng	Ottogi			KR	UNK	19.50
366	21041099	Súp canh đuôi bò loại 500g/gói * 18 gói/thùng	Ottogi			KR	UNK	32.50
367	21041099	Súp canh cá xẻ loại 34g/ hộp * 12 hộp/thùng	Ottogi			KR	UNK	10.00
368	21041019	Súp kem loại 80g/gói *40 gói/thùng	Ottogi			KR	UNK	12.10
369	21041099 21042099	Súp kem thịt bò loại 80g/gói * 40 gói/ thùng	Ottogi			KR	UNK	13.50
370	21041099 21042099	Súp kem nấm loại 80g/gói * 40 gói/thùng	Ottogi			KR	UNK	16.00
371		XVII. Kem lạnh và các sản phẩm tương tự khác						
372	21050000	Kem Melona vị trái cây- 80ml/cây *40 cây/thùng	Binggrae			KR	UNK	10.20
373	21050000	Kem Melona Wafle chocolate, dâu - 150ml/cây *24 cây/thùng	Binggrae			KR	UNK	10.60
374	21050000	Kem ăn Pongta vị trái cây các loại- 130ml/cây, 24 cây/hộp	Binggrae			KR	UNK	7.40
375		XVIII. Thực phẩm chức năng						
376	21069070	Thực phẩm chức năng: Bonidiabet capsule hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường, làm giảm glucose máu (60 viên/ lọ).	Vi va			CA	UNA	2.40*
377	21069070	Thực phẩm chức năng BoniDiabet capsule hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường, làm giảm glucose máu (30viên/lọ).	Viva			CA	UNA	1.60*

378	21069070	Thực phẩm chức năng Bonikiddy Capsule nâng cao sức đề kháng cho trẻ (60viên/lọ).	Viva			CA	UNA	2.40
379	21069070	Thực phẩm chức năng Bonikiddy Capsule nâng cao sức đề kháng cho trẻ (30viên/lọ).	Viva			CA	UNA	0.90
380	21069070	Thực phẩm chức năng Co-Enzyme Q10 hỗ trợ điều trị bệnh lý tim mạch (60 viên /lọ).	Blossom			AU	UNA	11.40
381	21069070	Thực phẩm chức năng NutriGen: giúp nâng cao sức khỏe, làm chậm quá trình lão hóa, giảm căng thẳng thần kinh (90 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	27.70*
382	21069070	Thực phẩm chức năng bột Biolin: giúp nhuận tràng, chống táo bón. (250g/lọ).	Amkey			US	UNA	17.90*
383	21069070	Thực phẩm chức năng Cardio Ten: hỗ trợ chức năng tim mạch, giảm xơ vữa mạch máu (60 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	16.20*
384	21069070	Thực phẩm chức năng viên nang trân châu sáng mắt, chống lão hoá mắt - Pearl Refresh Eye Plus (60 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	11.80*
385	21069070	Thực phẩm chức năng viên nang Kidney boost bổ thận dương, tăng cường thận khí, hỗ trợ điều trị yếu sinh lý (60 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	11.10*
386	21069070	Thực phẩm chức năng viên nang Pearl Strength plus (Calcium), bổ sung Canxi hữu cơ, giúp phòng ngừa bệnh loãng xương (60 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	8.90*
387	21069070	Thực phẩm chức năng Fem Essence, cân bằng hoóc môn nữ, giúp làm giảm các triệu chứng bất thường của cơ thể do kinh nguyệt và trong thời kỳ mãn kinh (90 viên/ lọ).	Amkey			US	UNA	8.20*
388	21069070	Thực phẩm chức năng Bột P2H: bổ sung các chất chống oxy hoá, hỗ trợ giải độc (200g/ lọ).	Amkey			US	UNA	21.70*
389	21069070	Thực phẩm chức năng Super OPC chống oxy hóa siêu cấp (60viên/lọ).	GMP			AU	UNA	2.80*

390	21069070	Thực phẩm chức năng Glucosamine HCl hỗ trợ điều trị xương khớp 1500mg, (200viên/hộp).	GMP			US	UNK	6.20
391	21069070	Thực phẩm chức năng dạng viên Glucosamine HCl hỗ trợ điều trị xương khớp 1500mg, (220viên/hộp).	GMP			US	UNK	10.90
392	21069070	Thực phẩm chức năng: Sheep Placenta- Nhau thai cừu giúp ngăn ngừa lão hóa, cân bằng hormon nữ, làm mờ tàn nhang, thâm nám (60 viên / lọ).	GMP			AU	UNA	8.00*
393	21069070	Thực phẩm chức năng: Trà thảo mộc Shedite Noir giúp giảm căng thẳng, thư giãn cơ thể và ngủ ngon giấc (1.5g/ túi; 30túi/ hộp).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNK	1.40*
394	21069070	Thực phẩm chức năng: Elemvitals Iron with Siberian Herbs bổ sung sắt, vitamin (60 viên/ lọ).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNA	4.80*
395	21069070	Thực phẩm chức năng: Renaissance Triple Set Formula 1 hỗ trợ chức năng làm sạch tự nhiên của đường ruột, thận, phổi và hệ miễn dịch (60 viên/ lọ).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNA	7.70*
396	21069070	Thực phẩm chức năng: Pantoral hỗ trợ hệ miễn dịch khỏe mạnh, cải thiện sức khỏe sinh lý (30 viên/ lọ).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNA	3.80*
397	21069070	Thực phẩm chức năng: Lymphosan Liver Vitality hỗ trợ bảo vệ gan (90g/ chai).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNA	3.20*
398	21069070	Thực phẩm chức năng: Lymphosan Joint Comfort hỗ trợ củng cố hệ gân-cơ-xương (90 g/ chai).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNA	2.90*
399	21069070	Thực phẩm chức năng: Elemvitals Calcium with Siberian Herbs bổ sung canxi, kẽm, mangan và các vitamin cho cơ thể (60 viên/ lọ).	Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya			RU	UNK	2.60*
400	21069070	Thực phẩm chức năng Bonihair chống rụng tóc (60viên/lọ)	Rise-N-Shine			US	UNA	5.70*

401	21069070	Thực phẩm chức năng Evaplus. Viên bổ làm chậm quá trình lão hóa cơ thể (1 lọ 60 viên, 1400 mg/viên).	TME			US	UNA	3.00*
402	21069070	Thực phẩm chức năng Shatoden. Viên bổ đường tiết niệu (1 lọ 100 viên, 533-567 mg/viên), hãng sản xuất TME.	TME			US	UNA	4.00*
403	21069070	Thực phẩm chức năng: Swanson Superior Herbs Maca giúp giảm đau xương khớp (60 viên/lọ).	Swanson			US	UNA	2.20*
404	21069070	Thực phẩm chức năng BoniOxyl Capsule (60viên/1hộp).	Pez			CA	UNA	1.60*
405	21069070	Thực phẩm chức năng Medica Ginko (60viên/1 lọ, 1 viên = 392.3mg).	Nu- Health			US	UNA	1.50
406	21069070	Thực phẩm chức năng Ginkgo biloba giúp cải thiện tuần hoàn máu trong não Ginkgo biloba (200 viên/lọ, 1 viên = 600mg).	Nu- Health			US	UNA	5.20
407	21069070	Thực phẩm chức năng Ginkgo Biloba giúp cải thiện tuần hoàn máu trong não. Lọ 100 viên/lọ, 1 viên=600mg).	Nu- Health			US	UNA	3.80
408	21069092	Cao hồng sâm (Korean Red Ginseng True Gold 120g x 5 lọ/ hộp), hàm lượng 0.52mg/g, dạng cao đặc.				KR	UNK	20.80
409	21069092	Cao hồng sâm (250g x 2lọ/ hộp), hàm lượng 0,4mg/g, dạng cao đặc.				KR	UNK	16.00
410	21069053 21069092	Nước uống hồng sâm (175ml/lon x 30 lon/thùng)				KR	UNK	5.30
411	21069070	Tảo SPIRULINA 120gr (dạng viên) (1 hộp = 600 viên)				JP	UNK	5.80
412	21069070	Thực phẩm chức năng Lab Well Via Him 60 viên/Hộp				US	UNK	2.90*

413	21069070	Thực phẩm chức năng Lab Well Via Her 60 viên/Hộp				US	UNK	3.90*
414		<i>Ghi chú: Mức giá có dấu (*) bên cạnh là quy định cho hàng hóa vận chuyển đường hàng không</i>						
415		XIX. Đồ uống						
416	22021090 22029030	Nước uống không có ga vị hồng sâm 6 năm tuổi, 70ml/ túi, 30 túi/ 1 hộp				KR	UNK	2.80
417	22029030	Nước uống dinh dưỡng - Forever (1 lít/chai x 12 chai/thùng)	Forever			US	UNA	4.30
418	22029030	Nước uống dinh dưỡng Lô hội hương Táo - Aloe Berry Nectar, 01 lít/chai *12 chai/thùng	Forever			US	UNA	3.10
419	22029030	Nước uống đông trùng hạ thảo (100ml/chai x 100chai/thùng)				KR	UNK	26.00
420	22029030	Nước uống đông trùng hạ thảo (30ml/chai x 60 túi/hộp)				KR	UNK	13.80
421	22029030	Nước uống không ga vị táo 1500ml/chai x 12 chai/thùng	Wongjin			KR	UNA	1.90
422	22029030	Nước uống không ga, 250ml/lon	Ranger Energy			TH	UNL	0.20
423	22029030	Nước uống tăng lực, 250ml, 24 lon/thùng	Bacchus			KR	UNL	0.38
424	22029030	Nước uống không ga vị hoa quả cho trẻ em 235ml/chai	Pororo			KR	UNA	0.40
425	22021010	Nước uống có ga	Cocacola-Cherry			US	UNL	0.40
426	22021010	Nước khoáng có gas, 330ml/chai *24 chai/thùng	Perrier			FR	UNA	0.60
427	22029030	Nước ngọt, 355ml/lon *36 lon/thùng	Pororo			US	UNK	6.20
428		XX. RƯỢU, BIA						
429		1. Bia các loại						
430	22030090	Bia Warsteiner Beer Premium Verum 4.8%,				VE	UNK	6.00

		0.33L/Chai x 24/thùng						
431	22030090	Bia Warsteiner Beer Premium Verum 4.8%, 0.33L/Chai x 24/thùng				DE	UNK	6.00
432	22030090	Bia Warsteiner Beer Premium Verum 4.8%, 5L/bình, 2bình/thùng				DE	UNK	7.50
433	22030090	Bia Erdinger weibbier with fine yeast 5.3%, 12 chai/thùng*500ml				DE	UNK	6.40
434	22030090	Bia Bitburger 330ml/chai* 24 chai /thùng				DE	UNK	6.10
435	22030090	Bia Bitburger 500ml/lon* 24 lon /thùng				DE	UNK	7.40
436	22030090	Bia Munchner Weisse 20 chai*05l/thùng, 5.1%				DE	UNK	11.30
437	22030090	Bia chai Erdinger Weibbier, non-alcoholic, 12 chai/thùng x 330 ml				DE	UNK	5.30
438	22030090	Bia chai Erdinger Weibbier Dunkel, 5.3%, 12 chai/thùng x 500 ml				DE	UNK	7.40
439	22030090 22030010	Bia BUDWEISER 5%, 24 lon/ thùng, 0,355l/lon				US	UNK	6.70
440	22030090	Bia hiệu pilsner Urquell Lager, 24 Chai/ thùng, 330 ml/chai				CZ	UNK	10.00
441	22030090 22030010	Bia La Trape Quadrupel, 12 chai*75cl/thùng, 10%				NL	UNK	19.00
442	22030090	Bia Heineken 24*250ml, 5%				NL	UNK	12.00
443	22030090 22030010	Bia chai nhôm Heineken 33cl (24 chai/thùng)				NL	UNK	18.20
444	22030090 22030010	Bia Royal Dutch Post Horn Super Strong Beer 500ml/12% alc - thùng 24 lon				NL	UNK	9.90
445	22030090	Bia Royal Dutch Post Horn Full Flavour Beer trays cont 330ml/5,3% alc - thùng 24 lon				NL	UNK	5.90

	22030010							
446	22030090 22030010	Bia Royal Dutch Post Horn Full Flavour Beer trays cont 500ml/5,3% alc - thùng 24 lon				NL	UNK	8.90
447	22030090	Bia Heineken 5L (2 Can / Thùng),				NL	UNK	18.45
448	22030090	Bia Heineken 20chai*250ml/thùng, 5%				FR	UNK	20.00
449	22030090	Bia Kasteel Triple, 12chai /thùng*75cl, 11%				BE	UNK	16.30
450	22030090	Bia chai Leffe vàng, 24 chai/thùng, 330ml/chai (6.6% LEFFE BLONDE BEER)				BE	UNK	20.40
451	22030010	Bia chai Leffe nâu, 24 chai/thùng, 330ml/chai (6.5% LEFFE BRUNE BEER)				BE	UNK	20.40
452	22030010	Bia Duvel 8.5% (24 chai/thùng, 33cl/chai)				BE	UNK	11.40
453	22030010	Bia Duvel 8.5% (12chai/thùng, 75cl/chai)				BE	UNK	16.00
454	22030090	Bia Corona Extra- 24 chai/thùng *355ml/chai, 4.6%				MX	UNK	17.00
455		2. Rượu vang						
456	22042113	Rượu Vang Malibu nồng Độ Alcohol 21%- 0.75l/chai				GB	UNA	2.50
457	22042111	Rượu vang Trivento Tribu Malbec 0.75l; 14 độ				AR	UNA	2.70
458	22042111	Rượu vang Trivento Tribu Shiraz 0.75l; 13 độ				AR	UNA	2.70
459	22042111	Rượu vang Trivento Golden Reserve Malbec 0.75l; 14,5 độ				AR	UNA	3.50
460	22042111	Rượu vang Trapiche Oak cask Malbec 0,75l; 14%.				AR	UNA	2.50
461	22042111	Rượu vang Trapiche Oak cask Chardonnay 0,75l; 14%.				AR	UNA	2.50
462	22042111	Rượu vang Trapiche Oak cask Cabernet 0,75l; 14%.				AR	UNA	2.50
463	22042111	Rượu vang Catena Malbec 0,75l; 13,9%				AR	UNA	9.30

464	22042111	Rượu vang Argento Malbec, 0,75l; 13,5%, 12chai/thùng				AR	UNA	2.80
465	22042111	Rượu vang Alamos Malbec 0,75l; 14%				AR	UNA	3.90
466	22042111	Rượu vang Finca El Origen Malbec 0,75l; 14 - 14,8%				AR	UNA	2.20
467	22042111	Rượu vang Trapiche Iscay Merlot Malbec 2006. 14,5%, 750ml/chai				AR	UNA	6.10
468	22042111	Rượu vang Kaiken Ultra Malbec 2007. 15%, 750ml/chai				AR	UNA	2.10
469	22042111	Rượu vang Kaiken Reserva Malbec 2008. 14,5%, 750ml/chai				AR	UNA	2.10
470	22042111	Rượu vang Kaiken Reserva Cabernet Sauvignon 14,5%, 750ml/chai				AR	UNA	2.10
471	22042111	Rượu Vang Graffigna Cabernet Sauvignon, 14.0% (750ml x 6 chai/thùng)				AR	UNA	4.00
472	22042111	Rượu Vang Graffigna Chardonnay, 13.5% (750ml x 6 chai/thùng)				AR	UNA	4.00
473	22042111	Rượu vang Terrazas Altos Malbec 2013 14% - 6*75cl/thùng				AR	UNA	5.00
474	22042111	Rượu Terrazas Cabernet Saugvignon 2012 14% - 12*75cl/ thùng				AR	UNA	5.00
475	22042111	Rượu vang hiệu Vistalba Corte C 2013 (750ml/chai, 12 chai/thùng), nồng độ rượu dưới 15%				AR	UNA	5.50
476	22042111	Rượu Terrazas Rerserva Malbec 2009 14% - 4*150cl/thùng				AR	UNA	7.50
477	22042111	Rượu vang Alma Mora Cabernet Sauvignon 2014, 12 chai/thùng x 750 ml/chai, 13,5%				AR	UNA	2.50
478	22042111	Rượu vang Alma Mora Pinot Grigio 2014, 12				AR	UNA	2.70

		chai/thùng x 750 ml/chai, 12% Alc						
479	22042111	Rượu vang Dada 1 De Finca Las Moras 2014, 12 chai/thùng x 750 ml/chai, 13%				AR	UNA	2.70
480	22042111	Rượu vang Intis Chardonnay-Chenin 2014, 12 chai/thùng x 750 ml/chai, 12,5% Alc.				AR	UNA	1.40
481	22042111	Rượu vang Trio Merlot Cannenner. 0,75l/chai; 14%				CL	UNA	2.30
482	22042111	Rượu vang Rio Lento Cabernet 0,75l; 12,5%				CL	UNA	2.00
483	22042111	Rượu vang Reserva Merlot 0,75l; 14%				CL	UNA	3.00
484	22042111	Rượu vang Frontera Sauvignon Blanc 0,75l; 13%				CL	UNA	2.30
485	22042111	Rượu vang Don Melchor Cabernet Sauvignon 0,75l; 14,5%				CL	UNA	20.20
486	22042111	Rượu vang Yali Limited Edition Syrah 2010, 0,75l* 12chai/thùng 14, 5%				CL	UNA	2.60
487	22042111	Rượu vang Vina Maipo Chardonnay Sauvignon Blanc 0,75l; 12,5%- 12chai/thùng				CL	UNA	2.50
488	22042111	Rượu vang Vina Maipo Protegido 0,75l; 14,5%- 12chai/thùng				CL	UNA	2.30
489	22042111	Rượu vang Vina Maipo Reserva Shizaz 0,75l; 13,5% 12chai/thùng				CL	UNA	2.50
490	22042111	Rượu vang Vina Maipo Reserva Cabernet Sauvignon 0,75l; 13,5% 12chai/thùng				CL	UNA	2.50
491	22042111	Rượu vang Viento del sur Gran Reserva Cab. Sauvignon- Syrah 0.75l, 13.5%				CL	UNA	2.30
492	22042911	Rượu vang Viento CABERNET SAUVIGNON 3l/bịch, độ cồn 13,5%				CL	BICH	3.00
493	22042111	Rượu vang Ventisquero Vertice Camenere syrah 0,75l; 14,5%, 06 chai/thùng				CL	UNA	2.60
494	22042111	Rượu vang Torres Santa Gigna Chardonnay 0,75l;				CL	UNA	3.40

		13,5 - 14%						
495	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Premium 2006 13,5%, 0,75l				CL	UNA	2.90
496	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Limited Edition 2007 13,5%, 0,75l				CL	UNA	3.00
497	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Reserva Cabernet Sau 2008 13,5%, 0,75l				CL	UNA	2.70
498	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Reserva Selection Merlot 2009, Selection Cabernet Sauvignon 2009, Selection Chardonnay 2009 13,5%, 0,75l				CL	UNA	2.50
499	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Selection Cabernet Sauvignon 2011, 12chai/thùng x 750 ml/chai, 13.0%				CL	UNA	2.30
500	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Selection Sauvignon Blanc 2011, 12chai/thùng x 750 ml/chai, 12.5%				CL	UNA	2.30
501	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Selection Merlot 2011, 12chai/thùng x 750 ml/chai, 13.0%				CL	UNA	2.40
502	22042111	Rượu Vang Tierra Del Fuego Reserva Cabernet Sauvignon 2010, 12chai/thùng x 750 ml/chai, 13.0%				CL	UNA	2.50
503	22042111	Rượu vang Tamaya 0,75l; 13,5%				CL	UNA	2.30
504	22042111	Rượu vang Sunrise Chardonnay 0,75l; 13 - 13,5%				CL	UNA	2.30
505	22042111	Rượu vang Montes Merlot Classic 0,75l; 14 - 14,5%				CL	UNA	1.80
506	22042111	Rượu vang Montes Alpha Merlot 0,75l; 14,5%				CL	UNA	2.00
507	22042111	Rượu vang Castillo De Monila Chardonnay reserva; 0,75l; 14%				CL	UNA	4.40
508	22042111	Rượu vang Montes Alpha Cab sau 2007. 14,5%, 750ml/chai				CL	UNA	2.00

509	22042111	Rượu vang Montes Alpha Cab sau 2007. 14,5%, 1,5 lít/chai				CL	UNA	2.20
510	22042911	Rượu vang Montes Alpha Cab sau 14,5%, 3lít/chai				CL	UNA	7.20
511	22042111	Rượu vang ESPIRITU CABERNET SAUVIGNON Colchagua Bottle 13%, 2012 (0,75 lít x 12 chai/thùng) (làm từ nho chưa pha hương liệu)				CL	UNA	2.00
512	22042111	Rượu vang SAN DURANGO Cabernet Sauvignon 13.5% 75cl				CL	UNA	2.40
513	22042111	Rượu vang SANTA REGINA Cabernet Sauvignon 13.5% 0.75l				CL	UNA	2.40
514	22042911	Rượu vang bạch Santiago Cabernet Sauvignon 13.5%; 5l/bịch, 3 bịch/thùng.				CL	BICH	4.70
515	22042911	Rượu vang bạch Sixty eight (68) Cabernet sauvignon 13.5%, 3l/bịch, 4 bịch/thùng				CL	BICH	3.10
516	22042911	Rượu vang bạch Flamingo dance Cabernet sauvignon 13% - 14%; 3l/bịch, 4 bịch/thùng				CL	BICH	3.10
517	22042911	Rượu vang bạch Flamingo dance Cabernet sauvignon 13% - 14%; 5l/bịch, 4 bịch/thùng				CL	BICH	4.70
518	22042111	Rượu vang Cabernet Sauvignon Reserva 0.70l/chai, 14%				CL	UNA	4.80
519	22042111	Rượu vang G7 Generation sauvignon Blanc 12%. 0,75l/chai, 12chai/thùng. năm sản xuất 2012				CL	UNA	2.20
520	22042111	Rượu vang G7 Generation Merlot 13%. 0.75l/chai, 12chai/thùng. năm sản xuất 2012				CL	UNA	2.20
521	22042111	Rượu vang G7 Generation Premium Blend 13,5%. 0,75l/chai, 12chai/thùng, năm sản xuất 2010				CL	UNA	2.60
522	22042111	Rượu vang G7 Cabernet sauvignon 13%, 0,75l/chai, 12chai/thùng, năm sản xuất 2012				CL	UNA	2.20
523	22042111	Rượu vang G7 Reserve Cabernet sauvignon				CL	UNA	2.40

		13,5%, 0,75l/chai, 6chai/thùng, năm sản xuất 2011						
524	22042111	Rượu vang G7 Gran Reserve Cabernet sauvignon 14%, 0,75l/chai, 6 chai/thùng, năm sản xuất 2010				CL	UNA	2.60
525	22042111	Rượu vang Vistamar Gran Reserva Cabernet Sauvignon /Syrah-2009, 14%. Loại 0,75L/chai, đóng 6chai/thùng.				CL	UNA	7.00
526	22042111	Rượu vang Sepia Reserva Cabernet Sauvignon "2010, n14%. Loại 0,75L/chai,đóng 12chai/thùng.				CL	UNA	5.80
527	22042111	Rượu vang Indomita Selected Varietal Cabernet Sauvignon, 14.5 độ, 750 ml/1 chai				CL	UNA	5.30
528	22042111	Rượu vang Indomita Varietal Cabernet Sauvignon, 13.5 độ, 750 ml/1 chai,				CL	UNA	4.00
529	22042111	Rượu vang Indomita Dueett Cabernet Sauvignon-Carmerene,14.5 độ, 750 ml/1 chai				CL	UNA	9.00
530	22042111	Rượu vang Indomita Selected Varietal Sauvignon Blanc,13.5 độ, 750 ml/1 chai				CL	UNA	4.00
531	22042111	Rượu vang Sepia Reserva Merlot-2011, nồng độ cồn = 13,5%. Loại 0,75L/chai, đóng 12chai/thùng				CL	UNA	4.30
532	22042111	Rượu vang Indomita Dueett Chardonnay, 14 độ, 750 ml/1 chai				CL	UNA	8.00
533	22042111	Rượu vang Ravanal limited Selection 2008, 0,75l/chai; 14 độ				CL	UNA	6.00
534	22042111	Rượu vang Sena Aconcagua Valley 2007, 0,75l/chai; 13.5 độ				CL	UNA	19.00
535	22042111	Rượu vang Purple Angel - 2011, 6chai/thùngx750ml/chai, 14.5%				CL	UNA	3.00
536	22042111	Rượu vang Montes Folly Syrah - 2011, 6chai/thùngx750ml/chai, 14,5%				CL	UNA	3.00
537	22042111	Rượu vang Montes Alpha Syrah - 2011,				CL	UNA	2.00

		12chai/thùngx750ml/chai, 14.0%						
538	22042111	Rượu vang Montes Cabernet Sauvignon Carmenere Limited - 2012, 12chai/thùngx750ml/chai, 14%				CL	UNA	2.00
539	22042111	Rượu vang Montes Alpha Chardonnay - 2013, 12chai/thùngx750ml/chai, 13.5%				CL	UNA	2.00
540	22042111	Rượu vang ALICANTO Cabernet Sauvignon Tradicion 2012 75cl/chai x 12chai/thùng, 14%				CL	UNA	2.00
541	22042111	Rượu vang ALICANTO Merlot Sauvignon Tradicion 2012 75cl/chai x 12 chai/thùng, 14%				CL	UNA	2.00
542	22042111	Rượu vang Anakena Cannenere 2013-12 chai/thùng - 750ml - 13% -				CL	UNA	2.30
543	22042111	Rượu vang Escudo Rojo Chardonnay BPR. Maipo CHILE, 75cl 14%				CL	UNA	5.60
544	22042111	Rượu vang Tantehue Cabernet Sauvignon, 750ml * 12chai/thùng, 13%				CL	UNA	2.30
545	22042111	Rượu vang Tantehue Chardonnay, 750ml * 12chai/thùng, 12.5%				CL	UNA	2.40
546	22042111	Rượu vang Lapostolle Casa Cabernet Sauvignon 2012 13.5%- 12*75cl/thùng				CL	UNA	4.80
547	22042111	Rượu vang Lapostolle Casa Merlot 2012 13.5% - 12*75cl/thùng				CL	UNA	4.80
548	22042111	Rượu vang Lapostolle Casa Sauvignon Blanc 2012 13.5% - 12*75cl/thùng				CL	UNA	5.90
549	22042111	Rượu vang SANTA CAROLINA SPECIALTIES SAUVIGNON BLANC 2011, 06x750ml (06 Chai/thùng), nồng độ 14%				CL	UNA	4.30
550	22042111	Rượu vang SANTA CAROLINA RESERVA CARBERNET SAUVIGNON 2012, 12x750ml (12 Chai/thùng), nồng độ 13.5%				CL	UNA	2.20

551	22042111	Rượu vang Santa Carolina Chardonnay Reserva 2012, 12 x 750ml (12 Chai/thùng), 13.5%				CL	UNA	2.20
552	22042111	Rượu vang Santa Carolina PREMIO 2013, 12 x 750ml (12 Chai/thùng), 12%				CL	UNA	3.00
553	22042111	Rượu vang Gran Crucero Limited Edition 6 chai x 0.75L, 14.5%				CL	UNA	5.30
554	22042111	Rượu vang Crucero Reserva Cabernet Sauvignon 12 x 0.75L, 14.0%				CL	UNA	2.80
555	22042111	Rượu vang Solde chile Cabernet sauvignon 2013, loại 13,5%, 0,75/1 chai, 12 chai/1 thùng				CL	UNA	3.10
556	22042111	Rượu vang Lacapitana Chardonnay 2013, 13.5 %, 12 chai/hộp, 750ml/chai				CL	UNA	4.60
557	22042111	Rượu vang đỏ Donreca Cuvee 2012, 14.5%, 12 chai/hộp, 750ml/chai				CL	UNA	6.50
558	22042111	Rượu vang Botalcura Cayao (75cl x 14%).				CL	UNA	30.00
559	22042111	Rượu vang Almaviva, 15%, 0.75 L / chai, 6 chai / thùng				CL	UNA	26.30
560	22042111	Rượu vang CA1 Carmenere Andes 2011 (75cl x 14% vol)				CL	UNA	13.00
561	22042111	Rượu vang Montgras Reserva Merlot, 750ml, 13%				CL	UNA	3.20
562	22042111	Rượu vang MontgrasReserva Quatro, 750ml, 14%				CL	UNA	3.20
563	22042111	Rượu vang Cornellana Chardonnay (Reserva) 750ML, 13.5%, thùng 6 chai x 750ML.				CL	UNA	2.10
564	22042111	Rượu vang Crucero Cabernet Sauvignon 12 chai x 0.75L, 13.5 %				CL	UNA	2.50
565	22042111	Rượu vang Crucero Sauvignon Blanc 12 x 0.75L, 13.0% Alc.				CL	UNA	2.50
566	22042111	Rượu vang đỏ Ochotierras Gran Reserva Cabernet				CL	UNA	11.50

		Sauvignon Camenere 2010, 14.5%; 6 x7 5cl						
567	22042111	Rượu vang Frontera Cabernet Sauvignon 3L, 12,5%, 3L/hộp, 4 hộp/thùng				CL	UNA	5.40
568	22042111	Rượu vang Chocalan Gran Reserva Malbec 2011, 750ml 14.5%, 6 chai/thùng				CL	UNA	8.10
569	22042111	Rượu vang Montes Late Harvest, 375ml/chai, 12 chai/thùng, 12%				CL	UNA	2.00
570	22042111	Rượu vang Montes Classic Series Chardonnay, 750ml/chai, 12 chai/thùng, 13,5%				CL	UNA	1.80
571	22042111	Rượu vang Montes Classic Series Sauvignon Blanc, 750ml/chai, 12 chai/thùng, 13%				CL	UNA	1.80
572	22042111	Rượu vang Montes Classic Series Cabernet Sauvignon, 750ml/chai, 12 chai/thùng, 13,5%				CL	UNA	1.80
573	22042111	Rượu vang Montes Classic Series Malbec, 750ml/chai, 12 chai/thùng, 13,5%				CL	UNA	1.80
574	22042111	Rượu vang Montes Limited selection Sauvignon Blanc, 12chai/thùngx750ml/chai, 14%				CL	UNA	2.00
575	22042111	Rượu vang Montes Limited selection Pinot Noir, 12chai/thùngx750ml/chai, 14%				CL	UNA	2.00
576	22042111	Rượu vang Montes Alpha Cannenere, 12chai/thùngx750ml/chai, 14,5%				CL	UNA	2.00
577	22042111	Rượu vang Montes Alpha M, 6 chai/thùngx750ml/chai, 14,5%				CL	UNA	2.00
578	22042111	Rượu vang Montes Alpha M, 6 chai/thùng x 1500ml/chai, 14,5%				CL	UNA	3.60
579	22042111	Rượu vang Montes Folly Syrah, 1 x 1500ml, 15%				CL	UNA	4.50
580	22042111	Rượu vang Montes Purple Angel, 1 x 1500ml, 14,5%				CL	UNA	4.50
581	22042111	Rượu vang Montes Outer Limits CGM (Carignan,				CL	UNA	2.00

		Grenache, Mourvedre), 6 x 750ml, 14%						
582	22042111	Rượu vang Montes Outer Limits Sauvignon Blanc, 6 x 750ml, 13,5%				CL	UNA	2.00
583	22042111	Rượu vang Montes Taita, 750ml/chai, 15%				CL	UNA	3.20
584	22042111	Rượu vang BB ARANY Cuvee sparkling 0,75l, 11%				HU	UNA	2.20
585	22042111	Rượu vang CLAUDIUS CAESAR DOUX SPARKLING 0,75l; 11,5%				HU	UNA	2.50
586	22042111	Rượu vang có ga nhẹ Torley Charmant Rouge 6 chai*750ml/thùng				HU	UNA	2.10
587	22042111	Rượu vang Pinebrook Napa California Syrah 12.5%, 750ml				US	UNA	2.10
588	22042111	Rượu vang Pinebrook Napa California Cabernet Sauvignon 12.5%, 750ml				US	UNA	2.10
589	22042111	Rượu vang Pinebrook Napa California Merlot 12.5%, 750ml				US	UNA	2.10
590	22042111	Rượu vang Napa Angel Cabernet sauvignon 2006 14.5%, 750ml				US	UNA	15.00
591	22042111	Rượu vang Napa Angel cabernet sauvignon Aurelio's 2006 15%, 750ml				US	UNA	15.00
592	22042111	Rượu Vang Sutter Home Cabenet Sauvignon - 12.5%-0.75lít				US	UNA	3.00
593	22042111	Rượu vang Sutter Home Chardonnay nồng Độ Alcohol 13%-0.75l/chai				US	UNA	3.00
594	22042111	Rượu vang Robert Mondavi Woodbridge White Zinfandel < 14%. 2009 12chai/thùng				US	UNA	4.90
595	22042111	Rượu vang Wente Morning Fog Chardonnay 2007, 075l x 12 chai; 13,5%				US	UNA	6.80
596	22042111	Rượu vang Wente Morning Fog Chardonnay 2008. 0,75l x 12 chai; Nồng độ dưới 20%.				US	UNA	7.00

	22042113							
597	22042111	Rượu vang Twenty rows the grapper 2006 14.4%, 750ml.				US	UNA	7.20
598	22042111	Rượu vang Twenty rows napa valley merlot 2008 15.6%, 750ml.				US	UNA	7.20
599	22042111	Rượu vang Twenty rows napa valley cabernet sauvignon 2008 15.5%, 750ml.				US	UNA	7.20
600	22042111	Rượu vang zinfandel bearfoot 15%, 750ml.				US	UNA	4.80
601	22042111 22042113 22042114	Rượu vang coastal vintner cabernet sauvignon, 750ml.				US	UNA	2.70
602	22042111	Rượu vang diamond sauvignon blanc, 750ml, 13.5%.				US	UNA	5.50
603	22042111	Rượu vang diamond malbec, 750ml, 13.5%.				US	UNA	5.50
604	22042111	Rượu vang diamond cabernet, 750ml, 13.5%.				US	UNA	5.50
605	22042111	Rượu vang Rutherford Ranch Napa Valley Merlot, 13.5%, 12 chai /thùng*13.5%				US	UNA	3.50
606	22042111	Rượu vang Rutherford Ranch Napa Valley Cabernet Sauvignon Reserve, 15%, 06 chai /thùng				US	UNA	4.00
607	22042111	Rượu vang Carlo Rossi Chardonnay 1.5l/chai, 11.5%				US	UNA	5.80
608	22042911	Rượu vang Carlo Rossi Chardonnay 3.0l l/chai, 12%				US	UNA	9.90
609	22042911	Rượu vang Peter Vella Cabernet Sauvignon 5l, 11%				US	UNK	10.00
610	22042111	Rượu vang Mirassou Cabernet Sauvignon 0.75cl, 13.5%				US	UNA	6.20

611	22042111	Rượu vang Mirassou Merlot 0.75cl, 13.5%				US	UNA	6.20
612	22042111	Rượu vang đỏ, trắng Golden Bridge Red Vin de California; 11%; 0.75L, 2011				US	UNA	2.30
613	22042111	rượu vang làm từ nho Almaden Heritage Cabernet Sauvignon (1.5l x 6), nồng độ dưới 15 độ				US	UNA	4.50
614	22042111	Rượu Vang Wente Riva Ranch Chardonnay 13.5% Vol, dung tích 750ml, 12chai/thùng, sản xuất 2012				US	UNA	7.90
615	22042111	Rượu vang Wente Southern Hills Cabernet Sauvignon 13.5%, dung tích 750ml,12chai/thùng, sản xuất 2011				US	UNA	4.20
616	22042111	Rượu vang Mont Pellier 2013 California Syrah, 750ml/chai, 12.50%, 12 chai/thùng				US	UNA	2.80
617	22042111	Rượu vang nổ Domaine Laurier NV California Brut Sparkling, chai 750ml, 11 % 1 thùng = 12 chai.				US	UNA	3.10
618	22042111	Rượu vang Castle Rock Winery 2012 Mendocino County Pinot Noir, chai 750ml, 13.50% Alcohol, 1 thùng = 12 chai.				US	UNA	5.10
619	22042111	Rượu vang Columbia Crest Cabernet Sauvignon 2012 (750ml/chai, 6 chai/thùng), nồng độ rượu dưới 15%				US	UNA	5.40
620	22042111	Rượu vang bạch Jack Tone Vineyards NV California Red Blend, Hộp 3000ml, 13.5%, 1 thùng = 3 hộp.				US	UNA	3.60
621	22042111	Rượu vang Opus One, 14,5%, 0.75 L / chai, 6 chai / thùng				US	UNA	97.20
622	22042111	Rượu vang Honig Cabernet Sauvignon 2012 (750ml/chai, 12 chai/thùng), nồng độ rượu dưới 15%				US	UNA	13.30
623	22042111	Rượu Vang Montana Marlborough Pinot Noir-12.5% - 0.75lít				NZ	UNA	3.00

624	22042111	Rượu Vang Montana Marlborough Sauvignon Blanc - 12.5% - 0.75lít				NZ	UNA	3.00
625	22042111	Rượu vang Cloudy Bay Chardonnay 2005 14.5% 12 x 750 MI				NZ	UNA	7.50
626	22042111	Rượu Vang TUSOCK PINOT NOIR 14% 0.75lít.				NZ	UNA	6.00
627	22042111	Rượu vang Coopers Creek Hawkes Bay Merlot 0,75l x 12 chai				NZ	UNA	4.90
628	22042111	Rượu vang Phallir Estate Martilborough Sauvignon Balanc 2008 0,75l x 12 chai				NZ	UNA	4.40
629	22042111	Rượu Vang TUSOCK SAUVIGNON BLANC 12.5% 0.75lít.				NZ	UNA	4.80
630	22042111	Rượu vang Allan Scott Marlborough Sauvignon Blanc 0,75l; 13%				NZ	UNA	3.20
631	22042111	Rượu vang Scott Base Pinot Noir 0.75l; 14%				NZ	UNA	6.20
632	22042111	Rượu vang Kapuka Sauvignon Blanc 2011, 12chai/thùng*0.75l, 12.5%				NZ	UNA	9.10
633	22042111	Rượu vang Nautilus Malborough Sauvignon Blanc, 0.75l, 13%				NZ	UNA	4.30
634	22042111	Rượu vang Nautilus Marlborough Pinot Gris 75cl 13.5%				NZ	UNA	4.30
635	22042111	Rượu vang Cloudy Bay Sauvignon Blanc 2013 13.5% - 12*75cl/thùng				NZ	UNA	12.10
636	22042111	Rượu Vang - Brancott Estate Marlborough Sauvignon Blanc, 12.5% (750ml x 6 chai/thùng)				NZ	UNA	4.30
637	22042111	Rượu vang nỏ đỏ Rosso Vivace, 7.5%, 12chai/thùng*0.75l				PH	UNA	2.10
638	22042111	Rượu vang Rosso Classico, thùng 12chaix750ml, 4.5%				PH	UNA	2.00

639	22042113	Rượu vang Royal Oporto 20 years Tawny, 75cl, alc20% (6 chai /thùng)				PT	UNA	11.20
640	22042113	Rượu vang DON PABLO RUBY ROUG, 19%, 6x750ML (6 chai /thùng)				PT	UNA	4.70
641	22042113	Rượu vang Noval Fine Ruby Port 0.75L - 19,5° (6 chai/thùng)				PT	UNA	5.20
642	22042113	Rượu vang Porto Crux 10yo, 0.75l, 6chai/thùng, 19%				PT	UNA	5.90
643	22042113	Rượu vang Porto Crux Pink, 0.75l, 6chai/thùng, 19%				PT	UNA	3.00
644	22042113	Rượu vang Porto Crux White, 0.75l, 6chai/thùng, 19%				PT	UNA	3.00
645	22042113	Rượu vang Porto Crux Tawny, 0.75l, 6chai/thùng, 19%				PT	UNA	4.60
646	22042114	Rượu vang Marie Brizard Cherry Brandy, 0.70l, 25%				FR	UNA	2.20
647	22042111	Rượu Vang Belle France - 12.5%-0.75lít				FR	UNA	2.00
648	22042111	Rượu Vang Belle France (red)- 13%-0.75lít				FR	UNA	2.00
649	22042111	Rượu Vang Belle France (white) - 12%-0.75lít				FR	UNA	2.00
650	22042111	Rượu vang đỏ VDP OC Syrah Castel Finest Reserve 0.75lít, 12%				FR	UNA	2.20
651	22042111	Rượu vang Chateau Bel Air Bordeaux Rouge, 12.5%, 0.75l				FR	UNA	2.80
652	22042111	Rượu vang Chateau La Gaborie Bordeaux Blanc, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
653	22042111	Rượu vang Chateau La Gaborie Bordeaux Rouge, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
654	22042111	Rượu vang Chateau Mont Carlau Bordeaux Blanc,				FR	UNA	2.50

		12.5%, 75cl						
655	22042111	Rượu vang Chateau Mont Carlau Bordeaux Rouge, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
656	22042111	Rượu vang Chateau Davril Bordeaux Blanc, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
657	22042111	Rượu vang Chateau Davril Bordeaux Rouge, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
658	22042111	Rượu vang Chateau des Tuquests Bordeaux Blanc, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
659	22042111	Rượu vang Chateau des Tuquests Bordeaux Rouge, 12.5%, 75cl				FR	UNA	2.50
660	22042111	Rượu vang Chateau Bouteilley Coste de Bordeaux Rouge, 13,5%, 75cl				FR	UNA	2.90
661	22042112	Rượu vang Chateau Chenu Lafitte Bordeaux Red 13%. 0.75l/chai, 6 chai/thùng				FR	UNA	2.30
662	22042111	Rượu vang Chateau Cadillac Lesgourgues 75cl 12%				FR	UNA	2.90
663	22042111	Rượu Vang Chateau La Roche 2009, 06chai/thùng x 750ml/chai, 13.5%				FR	UNA	2.60
664	22042111	Rượu vang đỏ Bordeaux 2011 Chateau Carbouey 75cl 12.5%				FR	UNA	2.00
665	22042111	Rượu vang đỏ Chateau Talusson Bordeaux red wine 0.75 lít/chai * 6 chai/thùng, 12,5%				FR	UNA	3.00
666	22042111	Rượu vang Chateau Haut Selve Rouge 75cl 13%				FR	UNA	4.90
667	22042111	Rượu vang Chateau Haut Lamothe Bordeaux Red 13%, 0.75l/chai, 6chai/thùng				FR	UNA	2.00
668	22042111	Rượu vang Bordeaux white, 12%, 75cl				FR	UNA	3.80
669	22042111	Rượu vang Bordeaux red, 12,5%, 75cl				FR	UNA	4.40

670	22042111	Rượu vang Marquis De Chasse, Bordeaux Rouge 0.75l, 12.5%				FR	UNA	3.90
671	22042911	Rượu vang ploizeau 2007 AOC Bordeaux 12,5%. 3l/bịch, 4 bịch/hộp				FR	BICH	3.50
672	22042911	Rượu vang saint benoit de Ferrand 2007 AOC Bordeaux 12,5%. 3l/bịch, 4 bịch/hộp.	Chateau			FR	BICH	3.50
673	22042911	Rượu vang Jarousse 2007 AOC Bordeaux 12,5%. 3l/bịch, 4 bịch/hộp.	Chateau			FR	BICH	3.50
674	22042911	Rượu vang Haut jarousse 2007 AOC Bordeaux 12,5%. 3l/bịch, 4 bịch/hộp.	Chateau			FR	BICH	3.50
675	22042111	Rượu vang đỏ /trắng 12.5 %, 0.75l	Bergerac Rouge			FR	UNA	2.00
676	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Cuvee Special 750ml/chai, 12%				FR	UNA	3.70
677	22042111	Rượu vang Cuvee Cadran Ch. Fombrauge, Saint Emillion Red 75cl 14%				FR	UNA	4.50
678	22042111	Rượu vang Madiran, Cotes de Crouiselle 75cl 14%				FR	UNA	8.60
679	22042111	Rượu vang Laforet Bourgogne Pinot Noir 75cl 12.5%				FR	UNA	7.30
680	22042111	Rượu vang Pacherenc Du Vic Bilh White, Saint-Albert 50cl 13%				FR	UNA	9.50
681	22042111	Rượu vang Hospices De Beaune, Beaune Cuvee Maurice Drouhin 75cl 13%				FR	UNA	11.60
682	22042111	Rượu vang Beaune Clos des Mouches Rouge 75cl 13%				FR	UNA	13.50
683	22042111	Rượu Vang Alexis Lichine Cabernet Sauvignon-13%-0.75lít				FR	UNA	2.30

684	22042111	Rượu Vang Alexis Lichine Chardonnay,13%, 750ml				FR	UNA	2.30
685	22042111	Rượu Vang Alexis Lichine Merlot - 13.5%-0.75lít				FR	UNA	2.30
686	22042111	Rượu vang Chardonnay Victoria VDP Blanc Jardin De La france 2006 12% 75cl				FR	UNA	2.00
687	22042111	Rượu vang Bordeaux Superieur Pháp 14%, 750ml/chai				FR	UNA	3.40
688	22042111	Rượu Vang Có Ga Café De Paris (sparkling Wine)- 11.5%- 0.75lít				FR	UNA	1.80
689	22042111	Rượu vang đỏ Cabernet Sauvignon Merlot 2010, 0.75l, 13%				FR	UNA	2.30
690	22042111	Rượu vang Merlot Vin de Pays, 0.75l, 13.5%				FR	UNA	2.50
691	22042111	Rượu vang Raymond Huet Merlot Cab Sauvignon bordeaux, 0.75l, 13.5%*12 chai/thùng				FR	UNA	3.15
692	22042111	Rượu vang Chateau Roubine Rose 2011, 12,5%, (750ml*12 chai/thùng)				FR	UNA	5.60
693	22042111	Rượu vang Cuvee Jean- Louis 75cl, 11.5%				FR	UNA	2.50
694	22042911	Rượu vang Vin de France Cabernet Sauvignon montanic 12.5%, 5l/bịch				FR	BICH	6.20
695	22042111	Rượu vang Sauvignon Blanc Attitue Bouteille 75cl, 12%				FR	UNA	4.00
696	22042111	Rượu vang Chateau Cap De Fer, rouge Superieur 75cl, 13%				FR	UNA	3.20
697	22042111	Rượu vang Chateau Tour Marcillanet 2009 Haut Medoc 75cl, 13%				FR	UNA	11.80
698	22042111	Rượu vang Chateau Ferriere Margaux 75cl, 13%				FR	UNA	15.00
699	22042111	Rượu Vang Chateau Chaubinet (red Bordeaux) 12.5%- 0.75l/chai				FR	UNA	2.60

700	22042111	Rượu Vang Chateau Chaubinet (white Bordeaux) - 12%- 0.75lít				FR	UNA	2.60
701	22042111	Rượu Vang Collection Des Chateaux (red Bordeaux) - 12.5%-0.75lít				FR	UNA	2.80
702	22042111	Rượu Vang Les Vieux Colombiers - 12.5%-0.75lít				FR	UNA	2.80
703	22042111	Rượu Vang Dubonnet - 14.8%-0.75lít				FR	UNA	2.90
704	22042111	Rượu Vang Chateaux Peymouton- 13.5%-0.75lít				FR	UNA	4.00
705	22042111	Rượu vang Chateau La Tour De Mons 0,75lít, 13%				FR	UNA	23.00
706	22042111	Rượu vang Cremant De Bourgogne 0,75lít 12,5%				FR	UNA	4.00
707	22042111	Rượu vang Reserve Mouton Cadet Medoc 75cl 12.5%				FR	UNA	6.00
708	22042911 22042913 22042914	Rượu vang VDP Rouge 3L /bịch				FR	BICH	4.20
709	22042111	Rượu Vang Chateau Laroque -Saint- Emilion Grand Cru - 12.5%-0.75lít				FR	UNA	8.50
710	22042111	Rượu vang vin en vrac bag in box rose rouge 300cl, 13%				FR	BICH	4.70
711	22042111	Rượu vang Vin en Vrac bag in box rose 500cl, 13%				FR	BICH	7.30
712	22042111	Rượu Champagne Laurent Premier Brut 12%, 750ml/chai				FR	UNA	5.90
713	22042111	Rượu Champagne Laurent Perrier Cuvee Rose 12%, 750ml/chai				FR	UNA	6.20
714	22042111	Rượu Champagne Mountaudon Brut Reserve Perrier 750ml, 14%				FR	UNA	3.00
715	22042111 22042113	Rượu vang Chateau Smith-Haut-Lafitte Rouge, Grand Cru Classe de Graves, 0.75l				FR	UNA	31.00

	22042114							
716	22042111 22042113 22042114	Rượu Chateau Angelus 2007 Saint Emilion 75cl				FR	UNA	60.00
717	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Chateau Smith Haut Lafitte 1996 75cl Pessac Leognan blanc				FR	UNA	19.50
718	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Chateau brane Cantenac 1986 Margaux 75cl/chai				FR	UNA	51.50
719	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Chateau.Beychelle 1986, 75cl Saint Julien,				FR	UNA	56.70
720	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Chateau.Lagrange 1990, 75cl saint Julien				FR	UNA	56.70
721	22042111	Rượu vang Riesling Vieilles Aoc 2005 0,75l; 12,5%				FR	UNA	12.50
722	22042111	Rượu vang Belleruche Blanc Cotes Du Rhon 0,75l; 13%				FR	UNA	5.00
723	22042111	Rượu vang BiB Wine De pays Du Gard Rouge 0,75l; 12,5%				FR	UNA	4.40
724	22042111	Rượu vang Cheval Noir 2005 Saint Emilion A.C 0,75l; 13%				FR	UNA	7.40
725	22042111	Rượu vang Chateau Darche 2005 haut Mecdoc A.C 0,75l; 12,5%				FR	UNA	12.00

726	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Yalumba The Octavius, 0.75l				FR	UNA	15.50
727	22042111	Rượu vang Vieux Château Certan 2001 Pomerol 0,75l; 13%				FR	UNA	4.00
728	22042111 22042113	Rượu vang trắng Chateau De Fesles/Chein Sec La Chapecllec Cerand Vin De Loire 2006 0,75l; dưới 20%				FR	UNA	14.90
729	22042111	Rượu vang trắng Villa Burdigala BORDEAUX 2007 0,75l; 12%				FR	UNA	12.00
730	22042111	Rượu vang Rose Les Adrest Adhesive Bando 0,75l; 13,5%				FR	UNA	26.20
731	22042111	Rượu vang Porto Ramos Pinto Superior Taw (Etui) 0,75l; 19,5%				FR	UNA	4.20
732	22042111	Rượu vang ngâm sori Giottines Original Bocal 1l; 15%				FR	UNA	5.50
733	22042111	Rượu vang Meursault 0,75l; 13%				FR	UNA	13.00
734	22042111	Rượu vang Mercurey 0,75l; 13%				FR	UNA	9.50
735	22042111	Rượu vang Margaux 1998 0,75l; 12,5%				FR	UNA	6.80
736	22042111	Rượu vang Les PAGODES DE COS Saint Estephe 0,75l; 13,5%				FR	UNA	3.00
737	22042111	Rượu vang Latour đỏ 1990 0,75l; 12,5%				FR	UNA	6.80
738	22042111	Rượu vang La Fleur Petrus 1995 - Pomerol 0,75l; 13,5%				FR	UNA	6.80
739	22042111	Rượu vang Chateau Palmer Margaux 0,75l; 12%				FR	UNA	18.00
740	22042111	Rượu vang Chateau Haut Brion Rouge 1988 0,75l; 12,5%				FR	UNA	7.20

741	22042111	Rượu vang Caves Des Pales Brunnelles Crozes Hermitages				FR	UNA	11.10
742	22042111	Rượu vang Beaujolais Rouge 0,75l; 12%				FR	UNA	3.10
743	22042111	Rượu vang đỏ Grand Puy Lacoste 0,75l; 13%				FR	UNA	15.00
744	22042111	Rượu vang Chateau Fongaban Contrlee 2006 0,75l; 13%				FR	UNA	11.40
745	22042111	Rượu vang - Chevalier Alexis Lichine Vin Mousseux White, 11.0% (75cl x 6chai/thùng)				FR	UNA	2.00
746	22042911	Rượu vang đỏ Baron D' Henry Cabernet Sauvignon red wine, 3 lít/chai, 13%				FR	UNA	4.20
747	22042111	Rượu vang đỏ CHATEAU CAZEAU CUVÉE PRESTIGE 2009 BORDEAUX RED WINE 6chai/thùng, dung tích 0.75L, 13.5%				FR	UNA	4.40
748	22042911	Rượu vang bạch Chantenais Cabernet Sauvignon - 4 x 3l - 13%				FR	BICH	3.70
749	22042911	Rượu vang GRAND SUD MERLOT VIN DE PAYS D'OC 3 L/BINH 13,50% Vol (4 BINH/ THUNG)				FR	BICH	3.60
750	22042111	Rượu vang Vin Blanc Table Fr.Cuvee Duboeuf, 0.75l/chai, 12%				FR	UNA	3.10
751	22042911	Rượu vang Chateau Tour Blanche 2007, 5l/bịch; 12,5%				FR	BICH	5.70
752	22042111	Rượu vang Chateau Giraudot 2007, 1.5l/chai; 12,5%				FR	UNA	7.30
753	22042911	Rượu vang Chateau De Tourenne (Premium body) 2007, 3l/bịch; 13%				FR	BICH	14.00
754	22042911	Rượu vang Chateau De Tourenne 2007, 5l/bịch; 13%				FR	BICH	19.80
755	22042111	Rượu vang Chateau Caroline (Cru Bourgeois) 2006, 0.75l; 13,5%				FR	UNA	10.90

756	22042911	Rượu vang Chateau Grand Gaillius (Premium body) 2007, 3l/bịch; 12,5%				FR	BICH	18.00
757	22042111	Rượu vang Chateau Latour Carnet 2006, 0,75l/chai; 13,5%				FR	UNA	19.00
758	22042111	Rượu vang Chateau Lalande 2007, 0,75l/chai; 13%				FR	UNA	8.10
759	22042111	Rượu vang Chateau Margaux (Premiere Grand Cru Classe) 1994 0,75l/chai; 12,5%				FR	UNA	222.00
760	22042111	Rượu vang Chateau Margaux (Premiere Grand Cru Classe) 1999, 0,75l/chai; 12,5%				FR	UNA	222.00
761	22042111	Rượu vang Grand Vin de Chateau Latour 1998, 0.75l/chai, 13%				FR	UNA	280.00
762	22042111	Rượu vang Chateau Lafite Rothschild, 0,75l/chai; 12.5%				FR	UNA	320.00
763	22042111	Rượu vang Chateau Cheval Blanc ("1 st Grand Cru Classe A") 2007, 0,75l/chai; 13 %				FR	UNA	182.00
764	22042111	Rượu vang Agneau Rouge, Bordeaux 75cl 12.5%				FR	UNA	4.20
765	22042111	Rượu vang Domaine de Joy, ODE A LA JOIE, 13°, 0.75L/chai, 6 chai/thùng				FR	UNA	3.70
766	22042111	Rượu vang Domaine de la Vrillonnière Muscadet Sèvre et Maine sur Lie, 12°, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				FR	UNA	3.30
767	22042111	Rượu vang Bourgogne Pinot Noir Couvent des Jacobins Jadot, 12,5%, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				FR	UNA	5.20
768	22042111	Rượu vang Bourgogne Chardonnay Couvent des Jacobins Jadot, 13%, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				FR	UNA	4.00
769	22042111	Rượu vang Bourgogne Aligote Jadot, 12%, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				FR	UNA	8.30
770	22042111	Rượu vang Chateau Vieux Longa St. Emilion red Bordeaux, 13.5%, thùng 12 chai x 75CL				FR	UNA	5.50

771	22042111	Rượu vang Les Pagodes De Cos 750ml/Chai, 12Chai/Kiện 13%vol				FR	UNA	17.50
772	22042111	Rượu vang Chateau Larrivet Haut - Brion, Pessac-Léognan 2009, 12 chai/ thùng x 750ml/chai, 14,0% Alc. Hàng mới 100%				FR	UNA	12.30
773	22042111	Rượu vang đỏ Beaujolais Villages 12.5 % 0,75L				FR	UNA	3.10
774	22042111	Rượu vang đỏ Vin de pay d'oc Grand sud Merlot 6 x 0.75L 13%, hàng mới 100%				FR	UNA	1.90
775	22042111	Rượu vang đỏ Chateau de Callac Prestige, dung tích 75cl, 13.5%, 12 chai/thùng				FR	UNA	5.70
776	22042111	Rượu vang Chateau Rauzan Segla, Margaux, 13,5%, 0.75 L / chai, 12 chai / thùng				FR	UNA	36.80
777	22042111	Rượu vang Dom Perignon Blanc 2004 12.5% - 6*75cl/thùng				FR	UNA	73.50
778	22042111	Rượu vang đỏ Menuts rouge, dung tích 75cl, 14% vol, 12 chai / thùng				FR	UNA	3.50
779	22042111	Rượu vang Château Hostens-Picant Rouge 2010-15%- 750ml - 12 chai/ thùng				FR	UNA	7.45
780	22042111	Rượu vang Château HP Lucculus 2010-15% - 750ml - 6 chai/ thùng				FR	UNA	13.70
781	22042111	Rượu vang Cotes Du Rhone Rouge" La Fiole " 14%, 750ml				FR	UNA	3.80
782	22042111	Rượu vang nổ Moet & Chandon Rose Imperial Brut 12% - 6*75cl/thùng				FR	UNA	25.80
783	22042111	Rượu vang nổ Champagne Baron Fuente Brut, 12,5%, 0.75 L / chai, 6 chai / thùng				FR	UNA	13.40
784	22042111	Rượu vang Cos d'estournel, Saint Estephe, 13,5%, 0.75 L / chai, 12 chai / thùng				FR	UNA	43.00
785	22042111	Rượu vang Chateau Rauzan Segla, Margaux,				FR	UNA	36.80

		13,5%, 0.75 L / chai, 12 chai / thùng						
786	22042111	Rượu vang Petit Bourgeois Carbernet Franc, 12,5%, 0.75 L / chai, 12 chai / thùng				FR	UNA	4.00
787	22042111	Rượu vang Bordeaux de Maucaillou 75cl 13%				FR	UNA	7.50
788	22042111	Rượu vang Chablis 2012, 12.5% (Loại 750 ml x 6 chai/thùng)				FR	UNA	5.10
789	22042111	Rượu vang Chapelle de la Trinite - Saint Emilion - 2011- 0.75L - 13 %				FR	UNA	5.00
790	22042111	Rượu vang Comte des Bories - Bordeaux 2011 - 0.75L -13 %				FR	UNA	2.70
791	22042111	Rượu vang Medoc de port Royal 2010 - 0.75L - 12.5%				FR	UNA	3.50
792	22042111	Rượu vang Saumur Brut Comte de la Boisse SM - 0.75L - 12%				FR	UNA	4.10
793	22042111	Rượu vang đỏ VDT DPCE- Baron de Saint André. Dry red wine 750ml/chai x 12chai x thùng, 12%				FR	UNA	2.00
794	22042111	Rượu vang Gewurztraminer Hugel 2012 White Wine 14% (Loại 750 ml x 12 chai/thùng)				FR	UNA	15.10
795	22042111	Rượu vang La Croix de Beaucaillou 75cl 13%				FR	UNA	21.60
796	22042111	Rượu Vang nổ - Champagne G.H Mumm, 12.0% (750ml x 6 chai/thùng)				FR	UNA	10.80
797	22042111	Rượu vang Champagne Baron Fuente Grande Réserve Brut, 12,5%, 0.375 L / chai, 12 chai / thùng				FR	UNA	7.70
798	22042111	Rượu vang Chateau D'armailhac, Pauillac 75cl 13%				FR	UNA	21.00
799	22042111	Rượu vang CHÂTEAU DES LAURETS, 14%, 0.75 L / chai, 6 chai / thùng				FR	UNA	7.70
800	22042111	Rượu vang Château La Croix de Queynac,				FR	UNA	2.30

		Bordeaux red, 12,5%, 0.75 L / chai, 6 chai / thùng						
801	22042111	Rượu vang Chateau Les Tuileries AC Bordeaux Blanc 2014, 12x750ml, 12.5%				FR	UNA	2.00
802	22042111	Rượu vang Chateau Roques Mauriac Premier Vin AC Bordeaux Superieur 2010, 12x750ml, 14.5%				FR	UNA	2.00
803	22042111	Rượu vang Chateau Poitevin AC Medoc Cru Bourgeois, 12x750ml, 12.5%				FR	UNA	2.00
804	22042111	Rượu vang Chateau Saint Gemme Haut Medoc, 6x750ml, 13%				FR	UNA	1.80
805	22042111	Rượu vang Chateau Castera AC Medoc, 12x750ml, 13%				FR	UNA	1.80
806	22042111	Rượu vang Acciaiole sangiovese Cabernet Sauvignon Toscana Igt Zed - Castello Dalbola 13,5%; 0,75l				IT	UNA	25.50
807	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Alexaldre Grapa 0.75l				IT	UNA	13.40
808	22042113	Rượu vang Amarone Della Valto Licerla CL. Doc 0,75l; 15,5%				IT	UNA	8.60
809	22042111	Rượu vang Banfi Poggio Alle Mura 0,75l; 14%				IT	UNA	3.00
810	22042111	Rượu vang Barbera d'Asti Doc Zed - Castello Del Poggio 0,75l; 13,5%				IT	UNA	4.00
811	22042111	Rượu vang Berengario Cabernet merlot Venegie Igt Red 0,75l; 13,5%				IT	UNA	5.50
812	22042111	Rượu vang Campogrande Ogviato 0,75l; 12%				IT	UNA	5.50
813	22042111	Rượu vang trắng Bianco Chardonnay Sicilia, IGT Sicily, chai 0.75L x 14%				IT	UNA	3.30
814	22042111	Rượu vang Chianti Classico Docg Le Ennere Gzv				IT	UNA	7.10

		Red - Castello d'Albola 0,75l; 13%						
815	22042111	Rượu vang Nero d'Avola Deliella, Feudo Principi di Butera, Sicila 0,75l; 13%				IT	UNA	16.20
816	22042111	Rượu vang Guado An Tasso 0,75l; 14%				IT	UNA	15.50
817	22042111	Rượu vang Masarej Barbera Dasti Doc Red 0,75l; 14%				IT	UNA	11.10
818	22042111	Rượu vang Brunello di Montalcino Castello Banfi 0,75l; 13%				IT	UNA	14.00
819	22042111	Rượu vang Pialdelle Vigne 0,75l; 14%				IT	UNA	11.80
820	22042111	Rượu vang Pinot Grijio Priuni Aquyneya Doc Wihite Cabolali 0,75l; 12,5%				IT	UNA	4.50
821	22042111	Rượu vang Profecco Igt Sphumante 0,75l; 11,5%				IT	UNA	3.00
822	22042111	Rượu vang Uneis Bera Phiemont Doc Red 14%; 0,75l				IT	UNA	15.10
823	22042111	Rượu vang Valpolycella Doc Superyore Ripas Red 0,75l; 13%				IT	UNA	3.60
824	22042111	Rượu vang Vinna Alti Lori Rosso Igt 0,75l; 13%				IT	UNA	3.00
825	22042111	Rượu Pinot Grigio Villa Vescoville 2011, 75cl*12.5%*6 chai/thùng				IT	UNK	6.30
826	22042111	Rượu vang Arele Rosso 75cl, 13%				IT	UNA	3.30
827	22042911	Rượu vang BIB 3l red wine- quot rosso 12.5%				IT	UNA	5.30
828	22042111	Rượu vang có ga Prosecco Doc 1821 Sparkling White 11%, 0.75cl*6 chai/thùng				IT	UNA	5.80
829	22042111	Rượu vang Corte Giara Ripasso DOC 13.5%, 6 chai* 0.75l				IT	UNA	6.20
830	22042111	Rượu vang AMPELO Malvasia Nera Salento IGP 2011, 06x750ml (06 chai /thùng), 13.5%				IT	UNA	6.00
831	22042111	Rượu vang AMPELO Salice Salentino DOP 2010,				IT	UNA	6.00

		06x750ml (06 chai /thùng), 13.0%						
832	22042111	Rượu vang Fiulot Barbera D'ast 75cl 13.5%				IT	UNA	3.90
833	22042111	Rượu vang Santa Cristina 75cl 13%				IT	UNA	3.10
834	22042111	Rượu vang Prunoto Barolo, 0.75l/chai, 14%				IT	UNA	10.60
835	22042111	Rượu vang Primitivo di Manduria 2008. 14.5%, 750ml/chai				IT	UNA	12.00
836	22042111	Rượu vang 1962 Anniversario 2012, 06 x 0.75 L (06 Chai/thùng), 14.5%.				IT	UNA	17.90
837	22042111	Rượu vang 9 Old Vines 2010, 06 x 0.75 L (06 Chai/thùng), 14.5%.				IT	UNA	13.50
838	22042111	Rượu vang bạch đỏ Dellisimo Medium Sweet Red Wine 10.5%, loại hộp 3000ml, đóng gói 4 hộp x 3000ml				IT	UNA	3.30
839	22042111	Rượu vang Marchese Antinori Ris. 75cl 13.5%				IT	UNA	8.20
840	22042111 22042113 22042114	Rượu vang 2004 Candidato Tempranillo Wine 75cl				ES	UNA	2.00
841	22042111 22042113 22042114	Rượu vang 2004 Candidato Tempranillo Joven Wine 75cl				ES	UNA	2.00
842	22042111 22042113 22042114	Rượu vang 2004 Casa Solar Tempranillo Joven Wine 75cl				ES	UNA	2.00
843	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Freixenet Cordon Negro Brut 75cl				ES	UNA	4.00

844	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Freixenet Don Cristobal InSEc 75cl				ES	UNA	2.40
845	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Freixenet Don Cristabel Blanco 75cl				ES	UNA	2.40
846	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Freixenet Carta Nevada Semi 75cl				ES	UNA	4.00
847	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Muga Reserva Selection Especial, 0.75l				ES	UNA	6.00
848	22042111	Rượu vang Muga 2006 Red Wine 0,75l; 13,98%				ES	UNA	3.50
849	22042113	Rượu vang Hecula Monastrell dưới 20%, 0,75l				ES	UNA	4.30
850	22042111	Rượu vang Campo Viejo Gran Reserva red 13.5%, 0.75*12/thùng				ES	UNA	6.70
851	22042111	Rượu vang Terra Cabernet Merlot, 13,5°, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				ES	UNA	2.10
852	22042111	Rượu vang Palacio De Anglona Seleccion Red Dry 750ml, 12%				ES	UNA	2.00
853	22042111	Rượu vang Don Quixote Tempranillo 2010,12.5% 0.75l/chai				ES	UNA	4.60
854	22042111	Rượu Vang Campo Viejo Rioja Reserva nồng độ Alc 13.5% (750ml x 12 chai/thùng)				ES	UNA	5.40
855	22042111	Rượu vang hiệu Marques De Murrieta loại Castillo Ygay 2005 (750ml/chai, 6 chai/thùng), dưới 15%				ES	UNA	33.20

856	22042111	Rượu vang Sacred Hill Shiraz Cabernet 2005 dưới 15%, 0.75l/chai				AU	UNA	2.20
857	22042111 22042911	Rượu vang Sacred Hill Semilion Chaddonnay 2005 dưới 15%				AU	UNA	2.20
858	22042111	Rượu Vang Có Ga Jacobs Creek Chardonnay Pinot Noir (sparkling Wine) - 11.5%-0.75lít/chai				AU	UNA	2.20
859	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Reserve Cabernet Sauvignon - 14%-0.75lít/chai				AU	UNA	3.10
860	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Reserve Shiraz- 14.5%-0.75lít/chai				AU	UNA	3.10
861	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Chardonnay nồng Độ Alcohol 13%-0.75l/chai				AU	UNA	2.10
862	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Merlot - 13.5%-0.75lít				AU	UNA	3.00
863	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Shiraz Cabernet - 14%-0.75lít				AU	UNA	3.00
864	22042111	Rượu Vang Wyndham Bin 222 Chardonnay - 13.5%-0.75lít				AU	UNA	2.30
865	22042111	Rượu Vang Wyndham Bin 555 Shraz- 14.5%-0.75lít				AU	UNA	2.30
866	22042111	Rượu Vang Wyndham Bin 888 Cabernet Merlot 14.3 độ, 0.75lít/chai				AU	UNA	2.30
867	22042111	Rượu Vang Wyndham Bin 999 Merlot - 13.5%-0.75lít				AU	UNA	2.50
868	22042111	Rượu Vang Wyndham Show Reserve Chardonnay-14% - 0.75 lít				AU	UNA	5.40
869	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Centenary Hill Shiraz-14.5% - 0.75lít				AU	UNA	9.00
870	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Johann Shiraz Cabernet				AU	UNA	10.00

		- 14% - 0.75lít						
871	22042111	Rượu Vang Jacobs Creek Reeves Point Chardonnay - 14% - 0.75lít				AU	UNA	9.00
872	22042111	Rượu vang 2006 Julia Vineyard Golden Flake 11,6% 375 ml/chai				AU	UNA	7.10
873	22042111	Rượu vang Duck's Flat Colombard Semilion Savignon Blanc 750ml, 11.5%				AU	UNA	2.30
874	22042111	Rượu vang wolf blass eaglehawk cabernet sauvignon 2011; 6 chai /thùng 75cl 13,5%				AU	UNA	2.70
875	22042111	Rượu vang wolf blass Eaglehawk Chardonnay 6 chai/thùng 750ml/chai 13,5%				AU	UNA	2.70
876	22042111	Rượu vang wolfblass eaglehawk shiraz merlot carbenet, 6chai/thùng 750ml/chai 13,5%				AU	UNA	2.70
877	22042111	Rượu vang trắng Billy Goat Hill, thùng/12chai/750ml, 13.5%				AU	UNA	2.00
878	22042111	Rượu Billy Goat Hill Cabernet Sauvignon Unoaked 750ml, 13.5%acl, 12 chai / thùng				AU	UNA	2.00
879	22042111	Rượu vang đỏ Celest ShirazG renache 14%, 75cl, 12chai/thùng				AU	UNA	2.10
880	22042111	Rượu vang Bullant Chardonnay, 75cl x 12chai, 13%				AU	UNA	2.50
881	22042111	Rượu vang Bullant Cabernet Merlot, 75cl x 12chai, 13%				AU	UNA	2.50
882	22042111	Rượu vang Bullant Shiraz, 75cl x 12chai, 13%				AU	UNA	2.50
883	22042111	Rượu Red Deer Station Cabernet Sauvignon Unoaked 750ml, 13.5%acl, 12 chai / thùng				AU	UNA	2.30
884	22042111	Rượu Red Deer Station Shiraz Unoaked 750ml, 13.5%, 12 chai / thùng				AU	UNA	2.30
885	22042111	Rượu Red Deer Station Merlot Unoaked 750ml,				AU	UNA	2.30

		14%, 12 chai / thùng						
886	22042111	Rượu vang wolf blass red label shiraz carbenet sauvignon blanc 12chai/thùng 750ml/chai 13,5%				AU	UNA	2.90
887	22042111	Rượu Wolf blass red label chardonnay 12chai/750ml/thùng 13,5%				AU	UNA	2.90
888	22042111	Rượu vang wolf blass red label cabernet merlot 12 chai/thùng 750ml/chai 13,5%				AU	UNA	2.90
889	22042111	Rượu vang wolf blass yellow label cabernet chardonnay 12chai/750ml/thùng 13,5%				AU	UNA	3.00
890	22042111	Rượu vang wolf blass yellow label carbenet sauvignon 12chai/thùng 750ml 13,5%				AU	UNA	3.00
891	22042111	Rượu vang wolf blass yellow label merlot 12chai/thùng 750ml 14%				AU	UNA	3.00
892	22042111	Rượu vang wolf blass President selection carbenet sauvignon 12chai/thùng 750ml, 14,5%				AU	UNA	3.20
893	22042111	Rượu Vang Wolf Blass President Selection Chardonnay 2011, 06chai/thùng x 750ml/chai, 12.5%				AU	UNA	3.20
894	22042111	Rượu vang Green Point Brut 12 chai/thùng, 75cl/chai				AU	UNA	3.10
895	22042111	Rượu vang Cape Mentelle Semillon Sauvignon 2006, 12.5%; 0.75l				AU	UNA	3.10
896	22042111	Rượu vang Jacob's Creek Centenary Hill Shiraz, 06x 0,75l; 14.5%				AU	UNA	9.10
897	22042111	Rượu vang Chandon Brut 12.5% - 6*75cl / thùng				AU	UNA	9.60
898	22042111 22042113 22042114	Rượu vang Cape Mentelle Cabernet Merlot 75cl/chai				AU	UNA	3.60

899	22042111	Rượu vang Lanson gold Label Vintage Brut 1998 0,75lx6 chai; 12.5%				AU	UNA	33.40
900	22042111	Rượu vang Lanson Rose Label Rose Brut 0,75l x 6 chai; 12,5%				AU	UNA	31.00
901	22042111	Rượu vang Stonier Chardonnay 12x 0,75l; 14%				AU	UNA	9.60
902	22042111	Rượu vang Peter Drayton Merlot (750ml/chai), 12,5%				AU	UNA	4.20
903	22042111	Rượu Vang Peter Drayton Shiraz (750ml/chai), 12,5%				AU	UNA	4.20
904	22042111	Rượu vang Peter Drayton Cabernet Sauvignon (750ml/chai), 12,5%				AU	UNA	4.20
905	22042111	Rượu vang Ironbark Hill Merlot (750ml/chai), 12%				AU	UNA	2.50
906	22042111	Rượu vang Ironbark Hill Cabernet Sauvignon (750ml/chai), 12%				AU	UNA	3.40
907	22042111	Rượu vang Ironbark Hill Cabernet Merlot (750ml/chai), 12,5%				AU	UNA	3.40
908	22042111	Rượu vang Ironbark Hill Semillon Verdelho (750ml/chai), 11,5%				AU	UNA	3.40
909	22042111	Rượu vang Ironbark Hill Shiraz (750ml/chai), 13%				AU	UNA	3.60
910	22042111	Rượu vang Yalumba organic Riverland Shi 0,75l; 13,5%				AU	UNA	3.10
911	22042111	Rượu vang Vasse Felix Adams Road Cabernet Merlot 0,75l; 14,5%				AU	UNA	3.20
912	22042111	Rượu vang Yalumba Barossa Patchwood Shiraz 75cl 13.5%				AU	UNA	6.00
913	22042111	Rượu vang Yalumba "The Scribbler" Cabernet Shiraz 75cl 13.5%				AU	UNA	6.00
914	22042111	Rượu vang Yalumba HP Shiraz Viognier 75cl 14%				AU	UNA	9.00

915	22042111	Rượu vang Yalumba "Y" Series Cabernet Sauvignon 75cl 12%				AU	UNA	4.30
916	22042111	Rượu vang Yalumba "Y" Series Sangiovese Rose 75cl 14%				AU	UNA	4.00
917	22042111	Rượu vang Yalumba "Y" Series Pinot Grigio, Export 75cl 12.5%				AU	UNA	4.00
918	22042111	Rượu vang Yalumba "Y" Series Shiraz Viognier 75cl 14%				AU	UNA	4.00
919	22042111	Rượu vang Penfolds Bin 128 Shiraz, 14,5%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	9.00
920	22042111	Rượu vang Penfolds Bin 407 Cabernet Sauvignon, 14,5%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	13.40
921	22042111	Rượu vang Penfolds Bin 389 Cabernet Shiraz, 14,5%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	14.50
922	22042111	Rượu vang Penfolds Bin 28 Kalimna Shiraz, 14,5%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	8.70
923	22042111	Rượu vang Penfolds Koonunga Hill Semillon Sauvignon Blanc, 12%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	4.40
924	22042111	Rượu vang Penfolds Koonunga Hill Shiraz Cabernet, 13,5%, 0.75 L/chai, 6 chai/thùng				AU	UNA	6.20
925	22042111	Rượu Vang Cape Mentelle Shiraz 2012 13.5% - 6*75cl/ thùng				AU	UNA	11.60
926	22042111	Rượu vang Chandon Chardonnay 2013 12.5% - 6*75cl/thùng				AU	UNA	8.30
927	22042111	Rượu vang Chandon Shiraz 2012 14% - 6*75cl/thùng				AU	UNA	8.17
928	22042111	Rượu vang Yellow tail Shiraz (12 chai/ thùng, 750ml/ chai), 13.5%				AU	UNA	2.50
929	22042111	Rượu vang Berri Estates Chardonnay 750ml *12				AU	UNA	2.20

		chai/thùng, 13.0%						
930	22042111	Rượu vang Berri Estates Shiraz, 750ML*12 12 chai/thùng, 13.0%				AU	UNA	1.70
931	22042111	Rượu Vang - George Wyndham Cabernet Merlot nồng độ Alc 14.3% (750ml x 6 chai/thùng)				AU	UNA	5.50
932	22042111	Rượu Vang - George Wyndham Shiraz Cabernet nồng độ Alc 13.5% (750ml x 6 chai/thùng)				AU	UNA	5.50
933	22042111	Rượu vang Hardys Nottage Hill, chardonnay, 750ml*6 chai/thùng, 13,5%				AU	UNA	4.20
934	22042111	Rượu vang Hardys Nottage Hill, carberaet shiraz, 750ml*6 chai/thùng, 13,5%				AU	UNA	4.20
935	22042111	Rượu vang Hardys Varietal range carbernet sauvignon, 750ml, 12 chai/thùng, 12,5%				AU	UNA	2.50
936	22042111	Rượu vang Hardys Varietal range shiraz, 750ml, 12 chai/thùng, 12,5% RƯỢU				AU	UNA	2.50
937	22042111	Rượu Vang - St Hugo Cabernet Sauvignon 14.2% (750ml x 6 chai/thùng)				AU	UNA	13.80
938	22042111	Rượu vang Barossaeight Songs Shiraz 2010, 14.5% (6chai/thùng X0.75L)				AU	UNA	11.00
939	22042111	Rượu vang Banrock Chardonnay 2014, 8x2L 13,0%				AU	PKG	3.40
940	22042111	Rượu Vang Growers Gate Chardonnay 2012 (75cl x 12, 13% vol)				AU	UNA	3.80
941	22042111	Rượu vang Bin 4000 Cabernet Sauvignon (McGuigan), 13%, 750ml				AU	UNA	4.30
942	22042111	Rượu vang Private Bin Merlot (McGuigan), 750ml, 12.5%				AU	UNA	2.50
943	22042111	Rượu vang Nederbueg Cabernet Sauvignon Private Bin 2006 0.75lx6 chai; 14,5%				ZA	UNA	8.70

944	22042111	Rượu vang Bellingham pinotage/ Petit Verdot 0,75l; 14%				ZA	UNA	3.50
945	22042111	Rượu vang Vinum Cabernet Sauvignon 0,75l; 14%				ZA	UNA	3.60
946	22042111	Rượu vang Nederburg Winemasters Cabernet Sauvignon 2010 0,75l * 12 chai/thùng; 14,5%				ZA	UNA	3.00
947	22042111	Rượu vang Beach House Sauvignon Blanc 0,75l, 12%				ZA	UNA	2.40
948	22042111	Rượu vang Backsberg Chenin Blanc 2011 - 12% - 750 ml - 12 chai/ thùng				ZA	UNA	2.50
949	22042111	Rượu vang Fleur du Cap Pinotage, 14%, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				ZA	UNA	3.70
950	22042111	Rượu vang Fleur du Cap Chardonnay ,14%, 0.75 L/chai, 12 chai/thùng				ZA	UNA	3.70
951	22060020	Rượu Sake Honjoso Hakkaisan 15.5%, 1.8L, 6 chai/thùng				JP	UNA	27.20
952	22060020	Rượu Sake Jyunmai Daiginjo Okunomatsu 15.5% 720ml 06 chai/thùng				JP	UNA	27.00
953	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Junmai Konotori 1800ml, 16-17%				JP	UNA	18.20
954	22060020	Rượu sake Otokoyama 15%, 720ml x 6chai				JP	UNA	5.00
955	22060020	Rượu Sake junmai Kakushi Gold, 1800ml				JP	UNA	20.00
956	22060020	Rượu Sake Barrel 1800ml				JP	UNA	21.00
957	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Junmai Konotori 720ml, 16 - 17%				JP	UNA	3.70
958	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Junmai Kimoto 1800ml, 16 - 17 độ				JP	UNA	10.00
959	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Junmai Kimoto 720ml, 16 - 17%				JP	UNA	4.00

960	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Honjozo Genroku Hiden 1800ml, 16-17 độ				JP	UNA	6.40
961	22060020	Rượu Sake Tatsuriki Tokubetsu Honjozo Genroku Hiden 720ml, 16 - 17%				JP	UNA	2.60
962	22060020	Rượu Ozeki Honjozo Karatamba 15.4% (Loại 720 ml x 6 chai/thùng)				JP	UNA	6.10
963	22060020	Rượu Ozeki Tarditional Sake 14.5 (Loại 1800 ml x 6 chai/thùng)				JP	UNA	7.70
964	22060020	Rượu Sake Houjun Junmaishu Zuiyo 15-16% 300ml * 12 chai/thùng				JP	UNA	3.40
965	22060020	Rượu Sake Houjun Junmaishu Zuiyo 15-16% 720ml * 6 chai/thùng				JP	UNA	11.20
966	22060020	Rượu Shochu Kuro Kirishima, 720ML 15% x 6 chai/thùng				JP	UNIT	7.56
967	22060020	Rượu Sake Nishinoseki Hiya, 15%, chai 720ml				JP	UNA	6.90
968	22060020	Rượu Sake Hakuro Futsu Shu, nồng độ cồn 15%, thể tích 720ml.				JP	UNA	4.30
969	22060020	Rượu Sake Nihonsakari Josen 15.9% 1.8L 6chai/thùng				JP	UNA	8.50
970	22060020	Rượu Sake Gensenkarakuchi Yoshinogawa 15% 720ml 12 chai/thùng				JP	UNA	6.00
971	22060020	Rượu Sake Kubota Senjyu 15% 720ml 12 chai/thùng				JP	UNA	9.70
972	22060010	Rượu mơ Tezukuri Umeshu Kagura 14% 720ml 06 chai/thùng				JP	UNA	8.30
973	22060010	Rượu vang L'Orient Sakura No Wine 500ml 6% 12 chai/thùng				JP	UNA	9.40
974	22060099	Rượu mơ Yume No Mi 1.8L 14% 6 chai/thùng				JP	UNA	13.90

975	22060099	Rượu mơ Choya Umeshu 12% (Loại 1000 ml x 6 chai/thùng)				JP	UNA	8.00
976	22060020	Rượu gạo JANGSOO MAKGEOLLI, 6.0% (1 kiện = 16 chai x 750ml/chai)				KR	UNA	0.80
977	22060010	Rượu Mận Korean plum Wine Matchsoon "Brand" (Original). 14%, 375 ml/chai x 12 Chai/ thùng				KR	UNK	14.00
978	22060010	Rượu Dâu Đen - Phúc bồn tử (Korean Black Raspberry Wine Bokbunjajoo), 14%, 375 ml/chai x 20 Chai/ thùng				KR	UNK	27.60
979	22060010	Rượu Gạo Soony, 6%, 750 ml/chai x 12 chai thùng)				KR	UNK	11.70
980	22060010	Rượu CHAMISUL SOJU, 19%, 360ml/chai x 20chai/thùng. Nhà sản xuất HITE JINRO CO., LTD				KR	UNK	15.60
981	22060010	Rượu Chum-Churum, 18%-360ml/chai x 20 chai/thùng)				KR	UNK	15.00
982	22060010	Đồ uống (nước trái cây) lên men [Magners Berry Cider], 4.0%, 330ml x 24 chai/thùng.				IE	UNK	10.40
983	22060010	Nước trái cây lên men Bruntys Pear (vị lê), 1 thùng /24 chai x 330ml				KH	UNK	9.40
984	22060010	Nước trái cây lên men Bruntys Strawberry (vị dâu), 1 thùng /24 chai x 330ml				KH	UNK	9.40
985	22060010	Nước trái cây lên men Bruntys Apple (vị táo), 1 thùng /24 chai x 330ml, hàng mới 100%				KH	UNK	9.40
986	22060010	Rượu hoa quả vị bưởi (Grapefruit rose Wine), 7%, 750ml/chai, 6 chai/Hộp				FR	UNA	3.10
987	22060010	Rượu hoa quả vị chanh dây (Passion fruit white wine), 7%, 750ml/chai, 6 chai/hộp				FR	UNA	3.10
988	22060010	Rượu hoa quả vị dâu (Strawberry rose wine), 7%, 750ml/chai, 6 chai/hộp,				FR	UNA	3.10

989	22060010	Rượu hoa quả vị mơ (Apricot rose wine), 7%, 750ml/chai, 6 chai/hộp				FR	UNA	3.10
990	22060010	Rượu hoa quả vị mâm xôi (Raspberry red fruits and wine), 7%, 750ml/chai, 6 chai/hộp				FR	UNA	3.10
991		3. Rượu mạnh các loại						
992	22083000	Rượu Seagram Extra Dry Gin - 40%-0.75lít				GB	UNA	2.40
993	22085000	Rượu Beefeater Gin - 40%-0.75l/chai				GB	UNA	2.50
994	22086000	Rượu Smirnoff Vodka Red 40%, 75 cl				GB	UNA	2.90
995	22085000	Rượu Gordon gin 75cl, 43%				GB	UNA	4.60
996	22086000	Rượu Smirnoff Vodka Blue 40%, 100cl				GB	UNA	4.80
997	22086000	Rượu Smirnoff Vodka Blue 50%, 75cl				GB	UNA	4.80
998	22083000	Rượu Whisky Et Scotch Whisky Charles House 1.5L, 40%				GB	UNA	5.00
999	22085000	Rượu prinm No 1 cup 75cl, 40%				GB	UNA	5.50
1000	22084000	Rượu Pampero Especial 70cl, (40%)				GB	UNA	5.10
1001	22085000	Rượu Gordons Gin 1.0l/chai, 49%				GB	UNA	12.00
1002	22083000	Rượu Whisky Ballantines Finest Alcohoh 43%, 0.75l/chai				GB	UNA	3.50
1003	22083000	Rượu Whisky Ballantines 12YO, 43%, 0.75l/chai				GB	UNA	5.90
1004	22083000	Rượu Whisky Ballantines 17YO, 43%, 0.7l/chai				GB	UNA	8.00
1005	22083000	Rượu Whisky Ballantines 21YO, 43%, 0.7l/chai				GB	UNA	19.80
1006	22083000	Rượu Whisky Ballantines 30YO, 43%, 0.75l/chai				GB	UNA	66.00
1007	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker Red Label 75cl/chai				GB	UNA	3.90
1008	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker gold label 75cl/chai, 40%				GB	UNA	8.70

1009	22083000	Rượu Johnnie Walker Gold Label Reserve, Whisky, 40%, 75cl, 06chai/thùng (không có vỏ hộp)				GB	UNA	8.00
1010	22083000	Rượu mạnh whisky hiệu Johnnie Walker Blue Label 40%, 75cl				GB	UNA	26.40
1011	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker Black Label 75 cl/chai. 40%. 12YO. 6 chai/thùng.				GB	UNA	6.40
1012	22083000	Rượu Johnnie Walker Platinum 18Y, Whisky, 40%, 75cl/chai * 06 chai/ thùng (có vỏ hộp)				GB	UNA	14.10
1013	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker Green label 75cl/chai				GB	UNA	8.60
1014	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker Swing 75cl, 43%				GB	UNA	9.60
1015	22083000	Rượu Whisky Glenmorangie 10YO, 40% 75cl x 6chai / thùng				GB	UNA	5.60
1016	22083000	Rượu Whisky Glenmorangie 18YO, 43% 70cl x 6chai / thùng				GB	UNA	29.30
1017	22083000	Rượu Glenmorangie Lasanta 46% - 6*70cl/thùng				GB	UNA	9.00
1018	22083000	Rượu Glenmorangie Original 40% - 6*70cl / thùng				GB	UNA	8.40
1019	22083000	Rượu Glenmorangie Nectar Dor 46% - 6*70cl / thùng				GB	UNA	13.30
1020	22083000	Rượu mạnh Windsor loại 12YO, 500ml/chai, 6chai/thùng				GB	UNA	4.30
1021	22083000	Rượu mạnh wishky hiệu Johnnie Walker Premier 75cl, 43%				GB	UNA	20.00
1022	22083000	Rượu mạnh Windsor loại 17YO, 500ml/chai, 6chai/thùng				GB	UNA	4.50
1023	22083000	Rượu Chivas Regal 21Yo (Whisky Royal Salute),				GB	UNA	19.70

		43% 0.7l/chai						
1024	22083000	Rượu Cutty Sark Scotch Whisky Standard GB, 12 chai x 0.7l / thùng				GB	UNA	2.50
1025	22083000	Rượu Drambuie Regular 40% 75cl, 12chai/thùng				GB	UNA	3.00
1026	22083000	Rượu Jim Beam Black 8YO Bourbon 43% (3chaix4,5L)/thùng				GB	UNA	11.60
1027	22083000	Rượu mạnh whisky Johnnie Walker Blue Label Magnum Pack 175 cl, (43%)				GB	UNA	98.00
1028	22086000	Rượu Vodka Wyborowa, 40%-0.75l/chai				GB	UNA	2.60
1029	22083000	Rượu Whisky Royal Ricard 45% - 0,75l/chai				GB	UNA	5.80
1030	22082090	Rượu Pernod 40% - 0,75l/chai				GB	UNA	5.20
1031	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 12years, 43%, 0,75l/chai				GB	UNA	6.00
1032	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 12years Tin Box 43%, 0,75l/chai				GB	UNA	7.40
1033	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 18 yeas 40%; 0,75l/chai				GB	UNA	9.20
1034	22083000	Rượu Sir Edwards Fienest Scotch Whisky 40%; 0,75l/chai				GB	UNA	3.00
1035	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 21 YO, 40%. 3l/chai				GB	UNA	79.00
1036	22083000	Rượu Scotch Whisky Macallan 15Yo, 43%, 6 chai /thùng *07cl				GB	UNA	17.00
1037	22083000	Rượu Scotch Whisky Macallan 12Yo, 43%, 12 chai /thùng *07cl				GB	UNA	11.00
1038	22083000	Rượu Windsor SP Premium 17Yo, Whisky, 40%, 12chai*45cl/thùng				GB	UNA	5.10
1039	22083000	Rượu Windsor Premium 12Yo, Whisky, 40%, 12chai*50cl/thùng				GB	UNA	4.80

1040	22084000	Rượu Captain Morgan Black Label 40%, 75cl/chai				GB	UNA	4.10
1041	22083000	Rượu Blended Scotch Whisky Teacher's 40%, 12 x 70cl (12 chai/thùng)				GB	UNA	2.80
1042	22083000	Rượu Single Malt Scotch Whisky Highland Park 12yo, 40%, 6 chai x 70cl/thùng				GB	UNA	8.50
1043	22083000	Rượu AUCHENTOSHAN SCOTCH WHISKY 700ml 12 YO, 40%, 06 chai/thùng.				GB	UNA	5.60
1044	22083000	Rượu AUCHENTOSHAN SCOTCH WHISKY 700ml 18 YO, 43%, 06 chai/thùng.				GB	UNA	10.40
1045	22083000	Rượu AUCHENTOSHAN SCOTCH WHISKY 750ml, 21 YO, 43%, 06 chai/thùng.				GB	UNA	22.00
1046	22085000	Rượu BOMBAY SAPPIRE GIN 12x75CL GEX 47% RO SL LINE06, 47%, 75cl/chai * 12 chai/thùng				GB	UNA	3.30
1047	22083000	Rượu Castle Morgan Scotch Whisky 40%, 700 ml x 12 chai/thùng				GB	UNA	2.60
1048	22083000	Rượu Whisky - The Glenlivet 12YO Excellence, 40% (750ml x 12chai/thùng)				GB	UNA	6.20
1049	22083000	Rượu Whisky - The Glenlivet 21YO, 43% (700ml x 3chai/thùng)				GB	UNA	30.00
1050	22083000	Rượu Whisky - The Glenlivet 25YO, 43% (700ml x 3 chai/thùng)				GB	UNA	39.00
1051	22086000	Rượu smirnoff vodka black 70cl/chai, 40%				GB	UNA	4.70
1052	22083000	Rượu Glen Ord Singleton Whisky 18YO 40%, 70cl/chai				GB	UNA	15.20
1053	22083000	Rượu Glen Ord Singleton Whisky 12YO, 40%, 70cl * 06chai/thùng				GB	UNA	6.60
1054	22083000	Rượu Glen Ord Singleton Whisky, 40%, 70cl, 15Y, 06chai/thùng (có vỏ hộp)				GB	UNA	13.00

1055	22086000	Rượu Smirnoff Orange Twist 75cl/chai, 35%				GB	UNA	3.10
1056	22086000	Rượu smirnoff Vanilla Twist 75cl/chai, 35%				GB	UNA	3.10
1057	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 12Yo 43% 4.5l				GB	UNA	46.00
1058	22083000	Rượu mạnh hiệu Macallan Fine Oak Malt, 15YO, 43%, 70cl, 6chai/thùng				GB	UNA	14.80
1059	22083000	Rượu mạnh hiệu Macallan Sherry Oak 12YO, 40%, 70cl/chai* 12chai/thùng				GB	UNA	9.20
1060	22083000	Rượu mạnh hiệu Macallan 1851 Inspiration 70cl 41,3%, 6chai/thùng				GB	UNA	19.40
1061	22083000	Rượu mạnh hiệu Macallan Malt 18YO 43%, 70cl, 12chai/thùng				GB	UNA	20.70
1062	22083000	Rượu mạnh hiệu Macallan Fine Oak Malt, 21YO, 43%, 70cl /chai *6chai/thùng				GB	UNA	50.00
1063	22083000	Rượu mạnh hiệu Highland Park MALT 21YO, 70cl, 47,5%, 12chai/thùng				GB	UNA	25.50
1064	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 25YO 0.7l/chai				GB	UNA	51.48
1065	22083000	Rượu BOWMORE 18YO MALT 43% 6x0.7L (6 chai/thùng)				GB	UNA	18.00
1066	22083000	Rượu BOWMORE 15YO MALT 43% 6 x 0.7L (6 chai/thùng)				GB	UNA	10.50
1067	22083000	Rượu BOWMORE 12YO MALT 40% 6 x 0.7L (6 chai/thùng)				GB	UNA	8.40
1068	22084000	Rượu Captain Morgan Original Spiced Gold, Rum, 35%, 750ml, 12chai/thùng (không có vỏ hộp)				GB	UNA	3.10
1069	22083000	Rượu Cardhu, Whisky, 40%, 700ml, 12Y, 06chai/thùng				GB	UNA	6.00
1070	22082050	Rượu Famous Grouse Blended Scotch Whisky 40% (12x0.7l)				GB	UNA	3.50

1071	22089090	Rượu Highland Park 18 YO Single Malt Scotch Whisky 43% 6 x 0.7L				GB	UNA	19.60
1072	22083000	Rượu Whisky Glendronach Single Malt 12YO, 43%, 6 x 70cl				GB	UNA	6.70
1073	22083000	Rượu mạnh- Whisky Glendronach Single Malt 15YO 46% 6 x 70cl				GB	UNA	11.20
1074	22083000	Rượu mạnh- Whisky Glendronach Single Malt 21YO Parliament, 48% 6 x 70cl				GB	UNA	22.90
1075	22083000	Rượu whisky Ardbeg 10,46%, 700ml/chai, 6 chai/thùng.				GB	UNA	13.80
1076	22083000	Rượu Whisky Glendronach Single Malt 12YO 43%, 6 x 70cl				GB	UNA	6.50
1077	22083000	Rượu Whisky Glendronach Single Malt 15YO, 46%, 6 x 70cl.				GB	UNA	10.10
1078	22083000	Rượu Whisky Glendronach Single Malt 18YO, 46% 6 x 70cl.				GB	UNA	15.00
1079	22083000	Rượu whisky Lagavulin 16Yo, 43%, 700ml/chai, 6 chai/thùng.				GB	UNA	16.80
1080	22083000	Rượu whisky Laphroaig 10Yo, 40%, 700ml/chai, 6 chai/thùng.				GB	UNA	13.80
1081	22083000	Rượu Whisky Talisker 10Yo, 45.8%, 700ml/chai, 6 chai/thùng.				GB	UNA	14.00
1082	22083000	Rượu Whisky Jack Daniel 40%, 0,75l x 12 Chai/Thùng				US	UNA	5.10
1083	22083000	Rượu Jack Daniel's Single Barrel 47% (750ml x 6chai/thùng)				US	UNA	13.50
1084	22083000	Rượu Whiskey Jack Daniel's Black Non-Refillable 40% (750ml x 12chai/thùng)				US	UNA	5.10
1085	22083000	Rượu Jim Beam White Bourbon Whiskey 40% 12 x				US	UNA	2.40

		75cl						
1086	22084000	Rượu E&J VSOP Brandy 750ML, 40% Alc				US	UNA	5.30
1087	22087000	Rượu Pepe Lopez Tequila 40% (750ml x 12chai/thùng)				US	UNA	3.60
1088	22086000	Rượu Vodka:Allen's Amaretto Liqueur 15 độ (1lit/chai x 6 chai/ thùng)				US	UNA	3.30
1089	22083000	Rượu Whisky Southerm Comfort 40%, 0,75l x 12 Chai/ Thùng				US	UNA	2.20
1090	22083000	Rượu Whisky Pepe Lopez 40%, 0,75l x 12 Chai/ Thùng				US	UNA	2.20
1091	22083000	Rượu Whisky Gentleman Jack 40%, 0,75l x 12 Chai /Thùng				US	UNA	7.50
1092	22083000	Rượu Whisky Jack Daniels Single Barrel 40%, 0,75l x 12 Chai/ Thùng				US	UNA	16.00
1093	22083000	Rượu Whisky Woodford Reserve 40%, 0,75l x 12 Chai/ Thùng				US	UNA	9.00
1094	22083000	Rượu Bourbon Whisky Jim Beam 40%, 450cl				US	UNA	17.50
1095	22083000	Rượu mạnh hiệu Jim Beam white Bourbon 40% 37,5cl, 24chai/thùng				US	UNA	2.10
1096	22082050	Rượu Brandy E&J VSOP 750ML/chai, 40%				US	UNA	5.30
1097	22082050	Rượu Tomintoul 10 Yo Single Malt 40%vol, 6 x 70cl				US	UNA	5.10
1098	22082050	Rượu Tomintoul 16 Yo Single Malt 40%vol, 6 x 70cl				US	UNA	9.80
1099	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Citron Vodka 75cl 40%, 12chai/thùng				SE	UNA	3.20
1100	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Mandrin Vodka 75cl 40%, 12chai/thùng				SE	UNA	2.30

1101	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Peppar Vodka 75cl 40%, 12chai/thùng				SE	UNA	3.20
1102	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Mandrin Vanilla 75cl 40%, 12chai/thùng				SE	UNA	3.20
1103	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut VODKA 70cl 40%, 12chai/thùng				SE	UNA	2.30
1104	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Apeach Vodka 40% 75cl, 12chai/thùng				SE	UNA	3.20
1105	22086000	Rượu mạnh hiệu Absolut Kurant Vodka 40% 75cl, 12chai/thùng				SE	UNA	3.20
1106	22083000	Rượu mạnh hiệu Jim Beam Black 8YO Bourbon 40% 75cl, 12chai/thùng				SE	UNA	3.30
1107	22083000	Rượu mạnh hiệu Jim Beam white Bourbon 40% 75cl, 12chai/thùng				SE	UNA	3.30
1108	22083000	Rượu mạnh hiệu Jim Beam white Bourbon 40% 4,5L, 2chai/thùng				SE	UNA	15.00
1109	22083000	Rượu mạnh hiệu Highland Park 12YO MALT GPK 70cl 40%, 6chai/thùng				FR	UNA	6.90
1110	22082090	Rượu Martell Cordon Bleu Cognac - 40%-3lít (Không bao gồm giá đỡ)				FR	UNA	109.00
1111	22082090	Rượu Martell Vsop Cognac - 40%, 3l/chai				FR	UNA	46.50
1112	22082090	Rượu Otard VSOP 40%, 70cl 12chai/thùng				FR	UNA	5.20
1113	22082090	Rượu Camus Cognac VSOP 70cl, 40% 12 chai/thùng				FR	UNA	8.30
1114	22082090	Rượu Brandy Martell Vsop Cognac - 40%-0.7lít				FR	UNA	8.50
1115	22083000	Rượu Brandy - Martell XO, 40.0% (700ml x 12 chai/thùng)				FR	UNA	23.00
1116	22082090	Rượu Camus Cognac extra elegance 70cl, 40% 06				FR	UNA	58.00

		chai/thùng						
1117	22082090	Rượu Camus Cognac XO elegance 70cl, 40% 12 chai/thùng				FR	UNA	35.00
1118	22082090	Rượu Bisquit Cognac XO 40%, 700ml/chai				FR	UNA	15.50
1119	22082090	Rượu Otard Jade 70cl, 40%, 12chai/Thùng				FR	UNA	6.40
1120	22082090	Rượu Remy VSOP Cognac 40% 0.7lít/chai, 4chai/thùng				FR	UNA	9.20
1121	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy VSOP Cognac 40% 35cl, 24chai/thùng				FR	UNA	4.40
1122	22082090	Rượu Martell Martell Xo - 40%-3lít				FR	UNA	112.00
1123	22082090	Rượu Remy Martin Extra Cognac 40% (6chaix0,7L)/thùng				FR	UNA	19.00
1124	22083000	Rượu mạnh hiệu Highland Park 18YO MALT 70cl 43%, 6chai/thùng				FR	UNA	19.50
1125	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy XO Excellence 700ml/chai, 12chai/thùng 40%				FR	UNA	23.80
1126	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy XO Excellence 35cl, 12chai/thùng 40%				FR	UNA	10.40
1127	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy Club Clear 40% 35cl, 24chai/thùng				FR	UNA	6.50
1128	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy Club Clear 40% 70cl, 12chai/thùng				FR	UNA	13.00
1129	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy VSOP Cognac 40% 3lít, 4chai/thùng				FR	UNA	45.00
1130	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy Club 40% 3lít/chai, 4chai/thùng				FR	UNA	44.00
1131	22082090	Rượu mạnh hiệu Remy LOUIS XIII 70cl, 4 chai/thùng 40%				FR	UNA	350.00

1132	22082090	Rượu Remy Martin Louis XIII-GPK 40% (3x0,7l)				FR	UNA	364.00
1133	22082090	Rượu Hennessy XO 40% - 3l/chai				FR	UNA	132.00
1134	22082090	Rượu Hennessy XO 40% - 1,5l/chai				FR	UNA	66.00
1135	22082090	Rượu Hennessy XO 40% - 0.7l/chai				FR	UNA	30.80
1136	22082090	Rượu Hennessy VSOP - 40%, 3l/chai				FR	UNA	87.70
1137	22082090	Rượu Hennessy VSOP 40% - 1,5L/ chai, 6 chai/thùng				FR	UNA	43.90
1138	22082090	Rượu Cognac Hennessy VSOP 40%; 70cl/chai; 12chai/thùng				FR	UNA	17.70
1139	22082090	Rượu Hennessy VSOP - 40%, 350ml/chai				FR	UNA	7.80
1140	22082090	Rượu Hennessy Paxadis Imperial 40% - 0,7l/chai				FR	UNA	355.00
1141	22082090	Rượu Hennessy Richard 40% - 2 x 0,7l/thùng				FR	UNA	400.00
1142	22082090	Rượu Hennessy XO 1.0l				FR	UNA	184.00
1143	22082090	Rượu Camus Cuvee 40% 0,7l x 4 chai/ thùng				FR	UNA	300.00
1144	22082050	Rượu Cuorvoisier Initiale Extra GPK 40%, 0,7l * 6 chai/thùng				FR	UNA	67.00
1145	22082050	Rượu Versailles Castle Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	115.00
1146	22082050	Rượu General Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	120.00
1147	22082050	Rượu Miss Paris Brandy, độ cồn 40%, dung tích 0.7 lít/chai, 06chai/thùng				FR	UNK	57.00
1148	22082050	Rượu Napoleon Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	111.00
1149	22082050	Rượu Louise Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	98.00
1150	22082050	Rượu Royal Master Brandy, 40%, 0.7 lít/chai,				FR	UNK	40.00

		12chai/thùng						
1151	22082050	Rượu Baron Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	40.00
1152	22082050	Rượu Golf & Green Brandy, 40%, 0.7 lít/chai, 12chai/thùng				FR	UNK	52.00
1153	22083000	Rượu Whisky Chambord 40%, 0,75l x 12 Chai/Thùng				FR	UNA	5.30
1154	22082090	Rượu Imperial extra XO 70cl				FR	UNA	2.60
1155	22082090	Rượu Ibis Extra XO 40%, 70cl				FR	UNA	4.20
1156	22082050	Rượu IBIS Extra XO Brandy 40%, 70cl/chai				FR	UNA	4.20
1157	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 12Yo 43% 0.75l/chai				FR	UNA	7.60
1158	22083000	Rượu Whisky Chivas Regal 18Yo 40% 0.75l/chai				FR	UNA	11.20
1159	22082090	Rượu Lancelot 40% (17yo ,500ml x 6chai)				FR	UNA	3.00
1160	22082050	Rượu mạnh Rivalet Napoleon Spiritueux de France 0,7l, 40%, 12chai/thùng				FR	UNA	2.00
1161	22082050	Rượu mạnh VSOP Brandy Rodin Napoleon 0,7l, 36%, 12chai/thùng				FR	UNA	2.10
1162	22082050	Rượu Otard VSOP, 40%, 70cl, 6chai/thùng				FR	UNA	4.50
1163	22082090	Rượu Martell Cordon Bleu Cognac -40%-0.7lít/chai				FR	UNA	23.00
1164	22082090	Rượu Benedictine Dom 40% 75cl, 12chai/thùng				FR	UNA	4.20
1165	22082090	Rượu Armagnac Delord 25 years old, 40% - 0.7L/chai (có vỏ hộp gỗ)				FR	UNA	19.80
1166	22082090	Rượu Remy Martin Fine champapagne Cognac VSOP 40% 12x0.7L/chai				FR	UNA	14.90
1167	22082090	Rượu Remy Martin Fine champapagne Cognac XO Excellence, 40% 4x0.7L				FR	UNA	31.00
1168	22082090	Rượu Brandy ST Remy VSOP 70cl 40% (12				FR	UNA	1.45

		chai/thùng)						
1169	22082050	Rượu Brandy XO Leopold 50cl, 39% (12 chai/thùng)				FR	UNA	3.30
1170	22082050	Rượu Brandy XO Leopold 200cl, 39% (4 chai/thùng)				FR	UNA	11.30
1171	22082050	Rượu Brandy XO Leopold 5cl, 39% (36 chai/thùng)				FR	UNA	1.50
1172	22082050	Rượu Brandy XO Louis III 0.75L/chai, 40%				FR	UNA	2.10
1173	22082050	Rượu Brandy XO Louis III 0.05L/chai, 40%				FR	UNA	2.40
1174	22082050	Rượu Brandy XO Calpyso 0.75L/chai, 40%				FR	UNA	2.10
1175	22082050	Rượu Brandy XO Charles x 0.7L/chai, 40%				FR	UNA	2.10
1176	22082050	Rượu Brandy XO Kinh of Diamond 0.7L/chai, 40%				FR	UNA	2.10
1177	22082050	Rượu Brandy XO Matignon 0.7L/chai, 40%				FR	UNA	2.10
1178	22082050	Rượu Brandy XO Soleil 70cl, 39% (12 chai/thùng)				FR	UNA	3.90
1179	22086000	Rượu Ciroc Red Berry, Vodka, 35%, 750ml, 12chai/thùng (không có vỏ hộp)				FR	UNA	8.70
1180	22086000	Rượu Ciroc Coconut Vodka, 35%, 750ml, 12chai/thùng (không có vỏ hộp)				FR	UNA	8.90
1181	22086000	Rượu Ciroc, Vodka, 40%, 1.75L, 06chai/thùng (không có vỏ hộp)				FR	UNA	21.50
1182	22086000	Rượu Ciroc, Vodka, 40%, 3L, 02chai/thùng (không có vỏ hộp)				FR	UNA	38.00
1183	22086000	Rượu Ciroc, Vodka, 40%, 750ml, 12chai/thùng (không có vỏ hộp)				FR	UNA	9.20
1184	22082050	Rượu Brandy Raynal VSOP 40% 70clx12				FR	UNA	2.10
1185	22082050	Rượu Brandy Raynal XO 40% 70clx12				FR	UNA	3.30
1186	22082050	Rượu Golfy Brandy XO 0.7L, 40% (12 chai/ thùng)				FR	UNA	1.70
1187	22082050	Rượu Grappe Brandy XO 0.5L, 40% (12 chai/				FR	UNA	3.10

		thùng)						
1188	22082050	Rượu Brandy XO King of Diamond 2.0L 40%				FR	UNA	7.30
1189	22082050	Rượu Louis III Brandy XO 3.0L 40% (4 chai/ thùng)				FR	UNA	18.60
1190	22082050	Rượu Matignon Brandy XO 2.0L, 40%,				FR	UNA	13.00
1191	22082090	Rượu MEUKOW V.S.O.P Superior Cognac 70cl, 40%				FR	UNA	27.00
1192	22082090	Rượu MEUKOW VS Cognac 70cl, 40%				FR	UNA	20.10
1193	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Amerett, 6 chai x 70CL/thùng, 28%				FR	UNA	2.60
1194	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Cherry Brandy, 6 chai x 70CL/thùng, 24%				FR	UNA	2.60
1195	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard crème de Cassis, 6 chai x 70CL/thùng, 16%				FR	UNA	2.60
1196	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Curacao Bleu, 6 chai x 70CL/thùng, 25%				FR	UNA	2.60
1197	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Fraise (Strawberry), 6 chai * 70CL, 20%				FR	UNA	2.60
1198	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Pêche Du Verger, 6 chai * 70cl, 18%				FR	UNA	2.60
1199	22087000	Rượu mùi Liqueur Marie Brizard Triple Sec, 6 chai * 70cl, 39%				FR	UNA	2.60
1200	22087000	Rượu mùi Liqueur Meukow Cognac Xpresso, 20%, thùng 6 chai x 0.7L.				FR	UNA	6.20
1201	22082050	Rượu Pale & Dry X.O 70cl/chai, 40%				FR	UNA	15.10
1202	22082090	Rượu Polignac VSOP 70CL-40%				FR	UNA	16.00
1203	22082050	Rượu Randon XO Brandy, 0.7L/chai, 40%, thùng 12 chai x 0.7L				FR	UNA	2.50
1204	22082090	Rượu Remy Martin Fine Grande Champagne				FR	UNA	510.00

		Cognac Louis XIII 40% 3 x 0.7L.						
1205	22086000	Rượu Ruskov Vodka 40%, 1L, 6 chai/ thùng				FR	UNA	1.80
1206	22086000	Rượu Ruskov Vodka 40%, 70cl, 6 chai/ thùng				FR	UNA	1.10
1207	22086000	Rượu Winter Palace Vodka 40% Alco 750ML				FR	UNA	10.65
1208	22083000	Rượu Chabot armagnac Gold VSOP 70cl, 40%,				FR	UNA	2.40
1209	22087000	Rượu mùi: Bailey's Irish Cream 17% Vol, chai nhựa 50 ml, hãng sx R&A Bailey & CO				IE	UNA	1.00
1210	22086000	Rượu Vodka thương hiệu "Husky" chai 0.75L, 40%				RU	UNA	3.30
1211	22086000	Rượu Vodka thương hiệu "White birch" chai 0.5L, 40%				RU	UNA	2.50
1212	22086000	Rượu Vodka thương hiệu "White birch" chai 0.75L, 40%				RU	UNA	4.00
1213	22086000	Rượu Vodka "PUTINKA Classic" 38% x 0.5L/chai x 20 chai/thùng				RU	UNA	1.10
1214	22086000	Rượu Vodka "PUTINKA Classic" 40 % x 0.7L/chai x 12 chai/thùng				RU	UNA	1.50
1215	22086000	Rượu Vodka Beluga Noble (Classic) 0.7l, 40%				RU	UNA	3.80
1216	22086000	Rượu Vodka Beluga Noble (Classic) 01l, 40%				RU	UNA	5.80
1217	22086000	Rượu Vodka Beluga Gold Line 0.7L, 40%				RU	UNA	16.00
1218	22086000	Rượu Vodka - Russian Standard Gold 40%, 6 chai*1L/chai				RU	UNA	8.30
1219	22086000	Rượu Vodka - Russian Standard Original 40%, 12 chai * 0.5L/chai				RU	UNA	1.50
1220	22086000	Rượu Vodka Belenkaya Classic 0.5L/chai, 40%				RU	UNA	1.00
1221	22086000	Rượu Vodka Belenkaya Classic 0.7L/chai, 40%				RU	UNA	1.30
1222	22086000	Rượu Vodka Belenkaya Classic 1L/chai, 40%				RU	UNA	1.80
1223	22086000	Rượu vodka "BAIKAL" 0.375L/chai, 20 chai/carton,				RU	UNA	1.30

		40%.						
1224	22086000	Rượu Vodka "Stolichnaya" 0.7L/chai - 40 độ, năm SX 2014				RU	UNA	2.50
1225	22086000	Rượu Vodka Czar's Original 40% 1000ml/ chai (6 chai/ thùng)				RU	UNA	2.10
1226	22086000	Rượu Vodka Kremlin Award, 0.7L, 40%, thùng 6 chai x 0.7L.				RU	UNA	16.50
1227	22086000	Rượu Vodka Platinum 30%, 0,5L/chai, 20 chai/thùng.				RU	UNA	1.30
1228	22086000	Rượu vodka Tovaritch 38%, 0.7L x 6 chai/thùng				RU	UNA	1.90
1229	22086000	Rượu Vodka Tovaritch 40 %, dung tích 1L, 6 chai/thùng				RU	UNA	2.20
1230	22086000	Rượu Vodka Youri Dolgoroki, 40%, 0.7L, 12 chai /thùng,				RU	UNA	2.00
1231	22086000	Rượu Vodka Youri Dolgoroki, 40%, 1.0L, 6 chai /thùng,				RU	UNA	2.50
1232	22086000	Rượu Belvedere Vodka 40% - 6 chai *175cl/chai				PL	UNA	18.00
1233	22086000	Rượu BACARDI CARTA BLANCA dung tích 75cl, 40%, 12 chai/thùng				PL	UNA	2.10
1234	22086000	Rượu Belvedere Vodka 40% - 1 *600cl/thùng				PL	UNA	72.30
1235	22086000	Rượu Belvedere Vodka 40% -1 chai*3 lít/thùng				PL	UNA	36.20
1236	22086000	Rượu Belvedere Vodka 40% - 5cl/chai * 6 chai/thùng				PL	UNA	1.20
1237	22086000	Rượu Belvedere Vodka 40% - 6 chai *70cl/chai/thùng				PL	UNA	8.40
1238	22086000	Rượu Vodka Wisent Bison, 40%, 0.7L,6 chai /thùng				PL	UNA	1.80
1239	22086000	Rượu vodka Zubrowka, 700ml/chai, 40%				PL	UNA	2.50

1240	22083000	Rượu Whisky Chanceler, 39% 1.000ml/chai x 12chai/thùng				BR	UNA	5.30
1241	22084000	Rượu Rum Havana Club Anejo Blanco (silver Dry) 40% - 0.75l/chai				BR	UNA	2.10
1242	22084000	Rượu Rum Havana Club 3 Anos - 40%-0.75lít/chai				CU	UNA	4.10
1243	22084000	Rượu Rum Havana Club Anejo Reserve - 40%-0.75lít/chai				CU	UNA	5.50
1244	22083000	Rượu Blended Whisky 40% loại 500ml/chai x 6chai/thùng				CU	UNA	2.20
1245	22084000	Rượu Rum - Havana Club Anejo 7 Anos, 40.0% (750ml x 12 chai/thùng)				CU	UNA	4.50
1246	22086000	Rượu Lancelot 17 Yo, 40%, 500ml/chai, 6chai/thùng				KR	UNA	6.50
1247	22083000	Rượu Whisky Imperial 40%, 12Yo (loại 500ml x 6 chai)				KR	UNA	4.00
1248	22083000	Rượu Whisky Imperial 40%, 17Yo (loại 500ml x 6 chai)				KR	UNA	7.00
1249	22083000	Rượu Whisky Imperial 40%, 21Yo (loại 500ml x 6 chai)				KR	UNA	9.50
1250	22086000	Rượu Kingdom 40%, 12Yo (500ml x 6 chai/thùng)				KR	UNA	2.30
1251	22083000	Rượu Whisky Kingdom 40%, 12Y, 500ml/chai x 6 chai/thùng				KR	UNA	2.30
1252	22086000	Rượu Kingdom 40%, 17Yo (450ml x 6 chai/thùng)				KR	UNA	3.00
1253	22086000	Rượu Pampero Especial 6, 40%, 70cl/chai				KR	UNA	6.00
1254	22083000	Rượu Scotch Blue 21 Yo, 40%, 6 Chai/ Thùng, 500ml/Chai				KR	UNA	9.80
1255	22087000	Rượu Pampero Blanco 37,5%, 70cl/chai				VE	UNA	3.90
1256	22087000	Rượu pampero Especial 40%, 70cl/chai				VE	UNA	5.10

1257	22084000	Rượu Bunda burg Rum 37%, 70cl/chai				AU	UNA	4.00
1258	24085000	Rượu Tequila Sauza 40%, 70cl /chai(gold)				MX	UNA	2.10
1259	24085000	Rượu pha chế Jose Cuervo Especial Tequila 75cl/chai 38%				MX	UNA	2.60
1260	22044000	Rượu pha chế Reserva 1800 Anejo Tequila 75cl/chai 40%				MX	UNA	2.60
1261	22086000	Rượu Smirnoff Cranberry Twist 75cl/chai, 35%				MX	UNA	3.10
1262	24085000	Rượu Don Julio Reposado, Tequila, 38%, 75 cl, 06chai/thùng				MX	UNA	14.20
1263	22082090	Rượu Tequila Patron Silver, 40%, 12 chai x 750ml/chai				MX	UNA	10.30
1264	22087000	Rượu Mùi - Olmeca Tequila Gold 38.0% (750ml x 12 chai/thùng)				MX	UNA	2.50
1265	24085000	Rượu Camino Real Gold Tequila 12 chai x 75CL/chai/thùng, 40%				MX	UNA	3.90
1266	22084000	Rượu Pyrat XO Reserve Rum, 40%, 6 chai/thùng x 750 ml/chai.				MX	UNA	11.20
1267	22086000	Rượu Crystal Head Vodka 75cl x 6chai/thùng, 40%				CA	UNA	8.60
1268	22086000	Rượu Crystal Head Vodka 175cl/chai x 3chai/thùng, 40%				CA	UNA	13.70
1269	22086000	Rượu Crystal Head Vodka 5cl/chai x 48chai/thùng, 40%				CA	UNA	1.50
1270	22086000	Rượu DANZKA VODKA (NRC), 40% (750ml/chai * 12 chai/thùng)				DK	UNA	2.50
1271	22086000	Rượu DANZKA VODKA, 40% (1000ml/chai * 12 chai/thùng)				DK	UNA	3.20
1272	22087000	Rượu BOLS STRAWBERRY 17% 6 x 0.7L (6 chai/thùng)				NL	UNA	3.10

1273	22087000	Rượu BOLS TRIPLE SEC CURACAO 38%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1274	22087000	Rượu BOLS PEPPERMINT WHITE 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1275	22087000	Rượu BOLS PEPPERMINT GREEN 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1276	22087000	Rượu BOLS PEACH LIQUEUR 17%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1277	22087000	Rượu BOLS CURACAO DRY ORANGE 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1278	22087000	Rượu BOLS CREME DE CASSIS 17%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1279	22087000	Rượu BOLS CREME DE CACAO BROWN 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1280	22087000	Rượu BOLS CREME DE BANANA 17%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1281	22087000	Rượu BOLS CHERRY BRANDY 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1282	22087000	Rượu BOLS BLUE CURACAO 21%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1283	22087000	Rượu BOLS APRICOT BRANDY 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1284	22087000	Rượu BOLS AMARETTO 24%, 6 x 0.7L (6chai/thùng)				NL	UNA	3.10
1285	22082050	Rượu Grappa Tignanello 75cl 42%				IT	UNA	16.50
1286	22087000	Rượu mùi Aperol 11%, 700 ml x 6 chai/thùng				IT	UNA	3.30
1287	22087000	Rượu mùi Skyy Infusions Citrus 37.5%, 700 ml x 6 chai/thùng				IT	UNA	3.30

1288	22087000	Rượu mùi: Campari, 25% Vol, chai thủy tinh 40ml, hãng sx: Davide Campari - Milano S.p.a				IT	UNA	0.90
1289	22087000	Rượu Vaccari Sambuca, 38% 12x0.7 (12 chai/thùng)				IT	UNA	4.00
1290	22083000	Rượu Black Nikka Special S, 720ml/chai, 42%, 12 chai/thùng				JP	UNA	9.00
1291	22087000	Rượu mùi Mito No Kairakuen Umeshu Cup 14% 160ml, 30 chai/thùng				JP	UNA	1.70
1292	22089090	Rượu Shochu Chupack Kuro Kirishima imo 25% 1.8L 6 hộp/thùng				JP	UNA	9.80
1293	22089090	Rượu Shochu Imo Tensonkorin Kagura 25% 720ml*6 chai/thùng				JP	UNA	6.90
1294	22089090	Rượu Shochu Imo Tensonkorin Kagura Syuzo 25% 900ml * 6 chai/thùng				JP	UNA	5.90
1295	22089090	Rượu Shochu Imo Kuro Kirishima 25% 900ml 12 chai/thùng				JP	UNA	5.70
1296	22089090	Rượu Shochu Kan no ko Mugi 25% 720ml 6 chai/thùng				JP	UNA	7.90
1297	22089090	Rượu Shochu Kuro Kirishima imo 25% 720ml 6 chai/thùng				JP	UNA	6.90
1298	22089090	Rượu Shochu Kurokouji Tenson Korin Kagura Syuzo 25% 900ml 6 chai/thùng				JP	UNA	5.20
1299	22089090	Rượu Shochu Choki Chozo Kurouma 25% 720ml 6 chai/thùng				JP	UNA	7.30
1300	22089090	Rượu Shochu Mugi Nikaido, 25% 900ml 12 chai/thùng				JP	UNA	6.90
1301	22089090	Rượu Shochu Sakurajima Black Honbou, 25% 720ml 12 chai/thùng				JP	UNA	7.40
1302	22089090	Rượu Shochu Satsuma Shiranami Kuro 25%				JP	UNA	6.50

		900ml 6 chai/thùng						
1303	22089090	Rượu Shochu Slimpack Kuro Kirishima Imo, 25% 900ml 6 hộp/thùng				JP	UNA	5.20
1304	22089090	Rượu Shochu Zanpa Black 30% 720ml 12 chai/thùng				JP	UNA	6.80
1305	22086000	Rượu Antonov Vodka (thùng 12 chai x 700ml), 39%				PH	UNA	1.50
1306	22084000	Rượu GSM Premium Gin (thùng 12 chai x 750ml), 35%				PH	UNA	1.60
1307	22083000	Rượu Kavalan Concertmaster Single Malt Whisky, 1 thùng/12 chai, 1 chai/700ml, 40%				TW	UNA	15.00
1308	22083000	Rượu Kavalan Single Malt Whisky, 1 thùng/12chai, 1 chai/700ml độ cồn 40%, hàng mới 100%				TW	UNA	20.00
1309	22087000	Rượu mùi Amarula Cream Liqueur 17%, 700 ml x 12 chai/thùng				ZA	UNA	3.30
1310	22086000	Rượu Vodka Light Prime, 30%, 500ml/chai.				UA	UNA	1.30
1311		XXI. Bột ngọt						
1312	29224220	Bột ngọt (Monosodium Glutamate- MSG)				CN	TNE	1,400.00
1313	29224220	Bột ngọt (Monosodium Glutamate- MSG)				ID	TNE	1,500.00
1314	29224220	Bột ngọt (Monosodium Glutamate RC-MSG)				TH	TNE	1,680.00